MR WICK KIỂM TOÁN

TÀI LIỆU TỔNG HỢP HỎI - ĐÁP

THUẾ • HẢI QUAN • CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN

62 HỒ SƠ HỎI - ĐÁP

NỘI DUNG GIỮ NGUYÊN THEO VĂN BẢN GỐC

Mr Wick Kiểm toán

HỒ SƠ 01 / 62

Người nộp thuế: Công Ty TNHH Dream An Giang-175-1

Địa chỉ: An Giang

NỘI DUNG CÂU HỎI

Khoản 4, điều 18, thông tư 78/2014/TT-BTC: Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (bao gồm cả khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi Như vậy, doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn thì thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (do công ty có lợi nhuận và có khoản tiền nhàn rỗi, đem khoản tiền nhàn rỗi gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại - khác địa bàn đầu tư và hưởng thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn) thì có được hưởng ưu đãĩ thuế TNDN không

Trả lời:

Căn cứ Điều 5 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 7 Thông tư 78/2014/TT-BTC:

“Điều 7. Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập sau:

Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập sau:

...

7. Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn bao gồm cả tiền lãi trả chậm, lãi trả góp, phí bảo lãnh tín dụng và các khoản phí khác trong hợp đồng cho vay vốn."

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty có thu nhập chịu thuế từ lãi tiền gửi có kỳ hạn thì đây là khoản thu nhập khác phải kê khai, nộp thuế và không được hưởng quy định ưu đãi miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới theo quy định của pháp luật thuế TNDN.

HỒ SƠ 02 / 62

Người nộp thuế: Công ty CP trung tâm Posco Việt Nam-168-2

Địa chỉ: Hải Phòng

NỘI DUNG CÂU HỎI

Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định thời điểm lập hóa đơn là do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan

theo quy định pháp luật về hải quan, Tuy nhiên đối với hàng hóa nhập khẩu tại Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định khi làm thủ tục nhập khẩu, người khai hải quan nộp hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng theo quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ thay hóa đơn thương mại. Căn cứ 02 quy định trên, chúng tôi phải xuất hóa đơn khi giao hàng 1 đến 2 ngày để làm cơ sở cho bên mua thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa. Kính mong cơ quan thuế hỗ trợ việc áp dụng Thông tư Nghị định hướng dẫn về hóa đơn như trên có hợp lệ và rơi vào trường hợp xuất hóa đơn không đúng thời điểm giao hàng không ?

Trả lời:

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020) của Chính phủ quy định về thời điểm lập hóa đơn:

“6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm e, điểm l, điểm m, điểm n khoản 4 Điều 9 và bổ sung điểm p, điểm q, điểm r vào khoản 4 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

“1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán, chuyển nhượng tài sản công và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.”

Theo quy định nêu trên, đối với hàng hóa xuất khẩu, pháp luật về hóa đơn chỉ quy định thời điểm chậm nhất phải lập hóa đơn là không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định của pháp luật về hải quan. Do đó, trường hợp doanh nghiệp lập hóa đơn trước thời điểm hàng hóa được thông quan để người nhập khẩu thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan thì thời điểm lập hóa đơn phù hợp với quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

HỒ SƠ 03 / 62

Người nộp thuế: VPDD Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc tại Thành phố Hà Nội-167-3

Địa chỉ: tầng 29 Tòa Đông Lotte Center Hà Nội 54 Liễu Giai phường Cống Vị quận Ba Đình Hà Nội

NỘI DUNG CÂU HỎI

- Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa được phép thực hiện kinh doanh chuyển khẩu; hàng hóa chỉ được phép đưa vào Việt Nam rồi tái xuất dưới sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Trong khi đó, tại nhiều nền kinh tế thị trường, các phương thức như chuyển khẩu, giao nhận hàng tại nước ngoài và môi giới thương mại được thực hiện linh hoạt. Quy định hiện hành đang hạn chế khả năng mở rộng hoạt động của doanh nghiệp FDI trong bối cảnh thương mại quốc tế biến động, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng thu hút ngoại tệ và nguồn thu ngân sách. - Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa được phép thực hiện kinh doanh chuyển khẩu; hàng hóa chỉ được phép đưa vào Việt Nam rồi tái xuất dưới sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Trong khi đó,

tại nhiều nền kinh tế thị trường, các phương thức như chuyển khẩu, giao nhận hàng tại nước ngoài và môi giới thương mại được thực hiện linh hoạt. Quy định hiện hành đang hạn chế khả năng mở rộng hoạt động của doanh nghiệp FDI trong bối cảnh thương mại quốc tế biến động, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng thu hút ngoại tệ và nguồn thu ngân sách. - Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo hướng cho phép doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh chuyển khẩu. Đồng thời, bổ sung quy định và các văn bản hướng dẫn thi hành để mở rộng phạm vi các giao dịch thương mại như môi giới thương mại và xuất nhập khẩu có điểm giao, nhận ở nước ngoài.

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Công Thương đang chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP. Đề nghị doanh nghiệp có ý kiến tham gia, đề xuất, kiến nghị sửa đổi Nghị định số 69/2018/NĐ-CP gửi về Bộ Công Thương để đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo văn bản xem xét.

HỒ SƠ 04 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KIM LOẠI CHÍNH XÁC VÀ LINH KIỆN ĐIỆN TỬ KINETIC-165-4

Địa chỉ: Nhà xưởng xây sẵn RBF5-1 Lô đất CN4-2 Khu công nghiệp Yên Phong II-C Xã Yên Phong và Xã Tam Giang Tỉnh Bắc Ninh Việt Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

Nghị định 252/2026/NĐ-CP khoản 4 điều 14 có quy định “4. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tỷ giá tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan”. Nghị định 254/2026/NĐ-CP quy định tỷ giá trên hoá đơn thực hiện theo quy định tỷ giá của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên Nghị định 252 chỉ có quy định về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chưa có quy định đối với dịch vụ. Vậy từ ngày 1/7 khi xuất hoá đơn hàng hóa dịch vụ xuất khẩu sẽ áp dụng tỷ giá nào? Kính mong nhận được hướng dẫn của Bộ tài chính để doanh nghiệp chúng tôi có cơ sở thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Xin cảm ơn!

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định 252/2026/NĐ-CP thì: "4. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tỷ giá tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.".

Tỷ giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

"5. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần.

Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với các ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và công bố tỷ giá."

Theo đó tỷ giá tính thuế khi khai tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

Theo quy định tại Điều 1 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 “Luật này quy định quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong lãnh thổ hải quan; về tổ chức và hoạt động của Hải quan”.

Liên quan đến tỷ giá về dịch vụ đề nghị đơn vị thực hiện theo pháp luật về thuế

HỒ SƠ 05 / 62

Người nộp thuế: Công Ty TNHH MTV Speed Vina MST 1101786938-163-5

Địa chỉ: Tây Ninh

NỘI DUNG CÂU HỎI

Công ty đang vướng mắc về xuất nhập khẩu tại chỗ được áp dụng tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ.

Trả lời:

Đối với các hồ sơ hoàn thuế trước 01/7/2025, căn cứ hướng dẫn tại Điều 9 và Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC về thuế suất 0% và điều kiện khấu trừ, hoàn thuế, căn cứ quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP về thủ tục hải quan đối với xuất khẩu tại chỗ, Thông tư số 38/2015/TT-BTC hướng dẫn về thủ tục hải quan thì một trong các điều kiện để khấu trừ, hoàn thuế là tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ đã làm xong thủ tục hải quan.

Trường hợp Cơ quan hải quan xác định việc doanh nghiệp mở tờ khai xuất khẩu tại chỗ không đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (không đáp ứng hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức ở nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam) thì Cơ quan thuế không giải quyết hoàn thuế do không đáp ứng điều kiện về tờ khai hải quan theo quy định.

Trong quá trình ban hành các công văn hướng dẫn, Tổng cục Thuế (Cục Thuế) đã phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Hải quan/Cục Hải quan. Trên cơ sở ý kiến của Tổng cục Hải quan tại công văn số 4694/TCHQ-GSQL về việc Tổng cục Hải quan sẽ chỉ đạo Cục Hải quan các tỉnh, thành phố phối hợp với Cục Thuế địa phương trong việc xác định, xác minh tính hợp lệ của Tờ khai hải quan, Cục Thuế có công văn số 758/CT-CS đề nghị Cục Hải quan có văn bản chỉ đạo các Chi cục Hải quan địa phương phối hợp với cơ quan thuế trong việc xác định việc mở tờ khai hải quan, trên cơ sở đó cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế GTGT theo quy định.

HỒ SƠ 06 / 62

Người nộp thuế: VPDD Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc tại Thành phố Hà Nội-161-6

Địa chỉ: tầng 29 Tòa Đông Lotte Center Hà Nội 54 Liễu Giai phường Cống Vị quận Ba Đình Hà Nội

NỘI DUNG CÂU HỎI

Trong hoạt động nhập khẩu, hàng hóa có thể không được thông quan do sai nhãn, thiếu hồ sơ, không đáp ứng quy định chuyên ngành, bị lỗi, hư hỏng hoặc phát sinh tranh chấp. Điều 83 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP cho phép gia cố, chia gói, đóng gói, phân loại và bảo dưỡng hàng hóa trong kho ngoại quan; Điều 86 quy định việc tiêu hủy hàng bị đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất hoặc quá hạn; Điều 87 yêu cầu các thao tác này phải được cơ quan hải quan giám sát. Tuy nhiên, điều kiện, tiêu chí, hồ sơ và cách áp dụng giữa các đơn vị chưa thống nhất, khiến việc sửa chữa, tái xuất hoặc tiêu hủy kéo dài, làm phát sinh chi phí lưu kho. Khoản 1 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định hàng nhập khẩu đã nộp thuế nhưng phải tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu nếu đáp ứng điều kiện luật định. Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định một số trường hợp hủy tờ khai hải quan nhưng chưa giải quyết đầy đủ trường hợp hàng không đáp ứng điều kiện nhập khẩu hoặc yêu cầu quản lý chuyên ngành. Đề nghị cơ quan hướng dẫn việc xử lý thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, hồ sơ hoàn hoặc không thu thuế và chứng từ xác định chi phí đối với hàng được sửa chữa, tái xuất, trả lại hoặc tiêu hủy dưới sự giám sát hải quan. Đồng thời, đề nghị ban hành hướng dẫn thống nhất về điều kiện, hồ sơ, trình tự xử lý và trao đổi dữ liệu.

Trả lời:

Nội dung vướng mắc của doanh nghiệp chưa rõ, chưa đủ thông tin nên cơ quan hải quan chưa có cơ sở trả lời. Đề nghị doanh nghiệp nêu rõ tình huống vướng mắc.

HỒ SƠ 07 / 62

Người nộp thuế: VPDD Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc tại Thành phố Hà Nội-160-7

Địa chỉ: tầng 29 Tòa Đông Lotte Center Hà Nội 54 Liễu Giai phường Cống Vị quận Ba Đình Hà Nội

NỘI DUNG CÂU HỎI

Chính sách miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng và hàng hóa phục vụ khoa học, công nghệ có vai trò quan trọng trong thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực sản xuất. Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư. Điều 16 cũng quy định miễn thuế đối với hàng hóa phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghiệp công nghệ số. Theo quy định hiện hành, hàng hóa miễn thuế phải được sử dụng đúng mục đích đã đăng ký. Khi thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, bán, chuyển nhượng hoặc không còn đáp ứng điều kiện miễn thuế, doanh nghiệp phải khai báo và thực hiện nghĩa vụ thuế. Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, quy định trách nhiệm quản lý và báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế. Tuy nhiên, pháp luật chưa xác định rõ thời điểm chấm dứt nghĩa vụ quản lý đối với hàng hóa đã được sử dụng đúng mục đích trong thời gian dài. Do đó, ngay cả khi dự án kết thúc, công nghệ lạc hậu hoặc tài sản gần khấu hao hết, doanh nghiệp vẫn phải lưu giữ hồ sơ và có nguy cơ bị truy thu thuế khi bán, chuyển nhượng,

di dời hoặc tiêu hủy tài sản. Điều này làm tăng chi phí quản lý và gây thiếu chắc chắn về pháp lý. Khoản 3 Điều 77 Luật Hải quan quy định thời hạn kiểm tra sau thông quan là 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai. Tuy nhiên, thời hạn này không đồng nghĩa với việc chấm dứt nghĩa vụ quản lý, báo cáo và chứng minh mục đích sử dụng hàng hóa miễn thuế. - đề nghị cơ quan làm rõ thời hạn doanh nghiệp phải quản lý, lưu giữ hồ sơ và chứng minh việc sử dụng đúng mục đích. Đồng thời, đề nghị quy định thời hạn quản lý cụ thể theo thời hạn 05 năm, thời gian khấu hao hoặc thời gian hoạt động của dự án. Sau khi hết thời hạn và doanh nghiệp đã sử dụng hàng hóa đúng mục đích, đề nghị chấm dứt nghĩa vụ quản lý, không truy thu thuế khi tài sản được bán, chuyển nhượng, di dời hoặc tiêu hủy, trừ trường hợp gian lận hoặc sử dụng sai mục đích.

Trả lời:

1. Trách nhiệm lưu trữ hồ sơ của người khai hải quan được quy định cụ thể tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan 2014 như sau:

“2. Người khai hải quan là chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải có nghĩa vụ:

...

đ) Lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa đã được thông quan trong thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; lưu giữ sổ sách, chứng từ kế toán và các chứng từ khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan trong thời hạn do pháp luật quy định; xuất trình hồ sơ, cung cấp thông tin, chứng từ liên quan khi cơ quan hải quan yêu cầu kiểm tra theo quy định tại các điều 32, 79 và 80 của Luật này;"

2. Trách nhiệm của chủ dự án khi sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế

Đối với hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, trách nhiệm của chủ dự án sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính, trong đó có quy định trách nhiệm thực hiện thông báo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 86/2026/TT-BTC cho đến khi dự án chấm dứt hoạt động hoặc toàn bộ hàng hóa miễn thuế đã tái xuất khẩu ra khỏi Việt Nam, thay đổi mục đích được miễn thuế, chuyển tiêu thụ nội địa, tiêu hủy theo đúng quy định pháp luật.

Đề nghị doanh nghiệp nghiên cứu các quy định nêu trên và pháp luật về kế toán để thực hiện.

HỒ SƠ 08 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH Kinh doanh miễn thuế Lotte Phú Khánh-153-8

Địa chỉ: 11th – 12th Floor Indochina Riverside Tower 74 Bach Dang Street Hai Chau Ward

NỘI DUNG CÂU HỎI

Hướng dẫn của Cơ quan thuế tại hội thảo trực tuyến: Cục Hải quan đã có công văn số 15415/CHQ-NVTHQ ngày 13/4/2026, số 18792/CHQ-NVTHQ ngày 13/7/2026 hướng dẫn Công ty TNHH kinh doanh miễn thuế Lotte Phú Khánh, Chi cục Hải quan khu vực XII về thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế. Đề nghị Công ty căn cứ các công văn nêu trên để thực hiện. Câu hỏi của doanh nghiệp: Tuy nhiên, khi doanh nghiệp làm theo hướng dẫn của công văn số 15415/CHQ-NVTHQ ngày 13/4/2026 của Cục Hải Quan thì thuế Đà Nẵng không đồng ý cho khấu trừ

mà yêu cầu DN làm thủ tục hoàn với cơ quan Hải quan, vậy doanh nghiệp có thể kê khai khấu trừ VAT theo hướng dẫn tại CV 15415 được không?

Trả lời:

Để xử lý thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế, sau khi thống nhất với các đơn vị trong Bộ Tài chính, ngày 18/12/2025, Cục Hải quan đã có công văn số 43624/CHQ-NVTHQ hướng dẫn Chi cục Hải quan khu vực XII, theo đó: "Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đưa vào cửa hàng miễn thuế đã nộp thuế GTGT khi nhập khẩu, khi đã bán thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và được khấu trừ, hoàn thuế nếu đáp ứng quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15. Đề nghị Chi cục Hải quan khu vực XII hướng dẫn Công ty TNHH Kinh doanh miễn thuế Lotte Phú Khánh liên hệ với cơ quan Thuế nơi đăng ký kê khai, nộp thuế để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.”.

Do đó, đề nghị Công ty TNHH Kinh doanh miễn thuế Lotte Phú Khánh căn cứ công văn số 43624/CHQ-NVTHQ nêu trên để thực hiện và liên hệ với cơ quan Thuế nơi đăng ký kê khai, nộp thuế để được hướng dẫn thực hiện khấu trừ, hoàn thuế theo đúng quy định của pháp luật.

HỒ SƠ 09 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH HYUNDAI MATERIALS VIETNAM-149-9

Địa chỉ: Hà Nội

NỘI DUNG CÂU HỎI

Công ty đề nghị cơ quan thuế xem xét và hướng dẫn cụ thể việc Công ty có thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xuất khẩu trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa sau đó thực hiện xuất khẩu tại chỗ với địa điểm giao hàng tại Việt Nam hay không?

Trả lời:

Do không có hồ sơ cụ thể và không rõ thời gian diễn ra các giao dịch xuất khẩu của Công ty (trước hay sau 01/7/2025), Cục Thuế trả lời nguyên tắc như sau:

- Từ ngày 01/7/2025, thực hiện theo quy định tại Điều 4 Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 69/2025/TT-BTC, hàng hóa xuất khẩu tại chỗ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0%. Do đó, trường hợp CSKD có hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định và đáp ứng các điều kiện về khấu trừ, hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu gồm hợp đồng, tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt và hóa đơn bán hàng hóa) thì được xem xét, giải quyết hoàn thuế theo quy định.
- Đối với các hồ sơ hoàn thuế trước 01/7/2025, căn cứ hướng dẫn tại Điều 9 và Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC về thuế suất 0% và điều kiện khấu trừ, hoàn thuế, căn cứ quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP về thủ tục hải quan đối với xuất khẩu tại chỗ, Thông tư số 38/2015/TT-BTC hướng dẫn về thủ tục hải quan thì một trong các điều kiện để khấu trừ, hoàn thuế là tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ đã làm xong thủ tục hải quan.

Trường hợp Cơ quan hải quan xác định việc doanh nghiệp mở tờ khai xuất khẩu tại chỗ không đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (không đáp ứng hàng hóa mua

bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức ở nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam) thì Cơ quan thuế không giải quyết hoàn thuế do không đáp ứng điều kiện về tờ khai hải quan theo quy định.

HỒ SƠ 10 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH KOMEX VINA-147-10

Địa chỉ: Đồng Nai

NỘI DUNG CÂU HỎI

Công ty có nhập khẩu mặt hàng: Mủ cao su tự nhiên được cô đặc bằng ly tâm đã tiền lưu hóa chứa 60% hàm lượng aminiac - NATURAL RUBBER LATEX 60% DRC HA (Mã HS: 4001.10.11). Đây là nguyên liệu chính phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty. Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, thuế suất GTGT 5% được áp dụng đối với các sản phẩm: "mủ cao su dạng mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ cốm". Tuy nhiên, luật chưa đề cập rõ đến mủ Latex (mủ ly tâm). Công ty nhận thấy, so với các văn bản pháp luật cũ (Thông tư số 219/2013/TT-BTC), danh mục sản phẩm mủ cao su sơ chế được hưởng thuế suất 5% tại Luật mới đã liệt kê một cách đóng, giới hạn rõ bốn loại mủ cụ thể (cờ rếp, tờ, bún, cốm) và không ghi nhận trực tiếp cụm từ "mủ ly tâm" hoặc "mủ latex". Mặt hàng mủ Latex nêu trên được chế biến bằng phương pháp đưa mủ nước thiên nhiên tươi qua máy ly tâm cơ học nhằm bóc tách bớt nước để nâng hàm lượng cao su khô (DRC) lên mức 60%, trong quá trình quay ly tâm có bổ sung chất bão quản hóa học (Amoniac - NH3) để ngăn chặn sự đông tụ. về mặt bản chất thương mại, đây vẫn là một dạng mủ cao su thiên nhiên qua sơ chế để phục vụ sản xuất công nghiệp. Ngoài việc trực tiếp nhập khẩu, Công ty chúng tôi cũng có mua từ doanh nghiệp khác trong nước. Doanh nghiệp này nhập khẩu cùng loại mủ Latex nêu trên và được cơ quan Hải quan nơi họ mở tờ khai chấp thuận áp dụng thuế suất GTGT 5%. Trong khi đó, khi Công ty chúng tôi thực hiện nhập khẩu cùng mặt hàng tại Hải quan Chơn Thành, cơ quan Hải quan lại áp dụng mức thuế suất 10% (được giảm còn 8% trong giai đoạn hiện hành). Như vậy, cùng một mặt hàng nhưng các cơ quan Hải quan địa phương lại áp dụng mức thuế suất khác nhau, do đó doanh nghiệp không thể xác định chính xác thuế suất GTGT phải áp dụng sau ngày 01/7/2025. Để Công ty có cơ sở thực hiện đúng quy định pháp luật thuế, kính đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn làm rõ các nội dung sau: 1. Cho ý kiến xác định rõ: mặt hàng Mủ cao su tự nhiên Latex HA, 60% DRC, dạng Lỏng, chứa trên 0,5% hàm lượng Amoniac, mã HS 4001.10:11 có thuộc đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5% theo Luật số 48/2024/QH15 hay không. 2. Trường hợp áp dụng mức thuế suất 10% (được giảm còn 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP), thì hóa đơn GTGT đầu vào do nhà cung cấp trong nước xuất với thuế suất 5% có được xem là hóa đơn hợp pháp, hợp lệ để kê khai khấu trừ thuế hay không vì hiện tại họ vẫn đang nhập khẩu với mức thuế suất 5% như trước ngày 01/07/2025.

Trả lời:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15) và khoản 4 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 359/2025/NĐ-CP), thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% áp dụng đối với các sản phẩm mủ cao su dạng mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ cốm.

Việc xác định mặt hàng mủ cao su tự nhiên được cô đặc bằng ly tâm đã tiền lưu hóa chứa 60% hàm lượng amoniac (NATURAL RUBBER LATEX 60% DRC HA, mã HS 4001.10.11) có thuộc các sản phẩm nêu trên để áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng được thực hiện trên cơ sở kết quả phân loại hàng hóa của cơ quan Hải quan theo quy định tại Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 và Điều 16 Nghị

định số 08/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung). Trường hợp cơ quan Hải quan xác định mặt hàng không thuộc các sản phẩm mủ cao su dạng mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ cốm thì không thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% thì áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác định người bán đã lập hóa đơn với thuế suất thuế giá trị gia tăng không đúng quy định thì người bán thực hiện xử lý hóa đơn theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP; người mua thực hiện kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào trên cơ sở hóa đơn đã được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

HỒ SƠ 11 / 62

Người nộp thuế: Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DONGWHA-146-11

Địa chỉ: Đồng Nai

NỘI DUNG CÂU HỎI

Đề nghị quý cơ quan hướng dẫn thuế suất GTGT phải áp dụng khi doanh nghiệp xuất hóa đơn GTGT đối với hàng hóa xuất giao là phần thân cây cao su đã cưa cắt trong giao dịch trao đổi hàng hóa với Công ty A. Ngày 02/6/2026 Thuế tỉnh Đồng Nai (nay là Thuế thành phố Đồng Nai) đã ban hành công văn số 9682/DON-QLDN1 về thuế GTGT. Văn bản trả lời công ty căn cứ theo công văn 4582/BTC-CST ngày 13/042026 của Bộ Tài chính. Để đảm bảo việc hiểu đúng tinh thần của công văn 4582/BTC-CST, kính đề xuất Cục Thuế có ý kiến với quan điểm xử lý của Thuế Đồng Nai.

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5, điểm d khoản 2 Điều 9, khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 149/2025/QH15).

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 359/2025/NĐ-CP).

Căn cứ hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 20 Thông tư số 84/2025/BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường bổ sung khoản 15 vào sau khoản 14 Điều 3 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Bộ Tài chính đã có công văn số 4582/BTC-CST ngày 13/4/2026 và Cục Thuế đã có công văn hướng dẫn số 3546/CT-CS ngày 29/5/2026 về chính sách thuế giá trị gia tăng đối với gỗ sơ chế thông thường gửi Thuế các tỉnh, thành phố; Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam.

Theo hướng dẫn tại công văn số 3546/CT-CS, từ ngày 01/01/2026, trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ mua vào sau đó bán sản phẩm gỗ rừng trồng mới chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác, liên hiệp hợp tác xã khác ở khâu kinh doanh thương mại (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua về tiếp tục xử lý qua các công đoạn nhưng sản phẩm bán ra vẫn được xác định là sản phẩm gỗ rừng trồng mới chỉ qua sơ chế thông thường) thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15). Việc xác định gỗ sơ chế thông thường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

HỒ SƠ 12 / 62

Người nộp thuế: Công ty Hyundai Kefico-145-12

Địa chỉ: Hải Phòng

NỘI DUNG CÂU HỎI

Nếu không có thay đổi số thuế đã kê khai và nộp trong quá trình thực hiện hợp đồng thì không cần phải khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài đúng không?

Trả lời:

Kính gửi Quý DN

Căn cứ Điều 30 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính:

"Điều 30. Khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài

1. Khai thuế đối với trường hợp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Nhà thầu nước ngoài thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn tại Điều 19 Thông tư này;

b) Nhà thầu nước ngoài thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Điều 21 Thông tư này.

2. Khai thuế đối với trường hợp nộp thuế giá trị gia tăng tính trực tiếp trên doanh thu, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế:

a) Khai thuế đối với trường hợp nộp thuế giá trị gia tăng tính trực tiếp trên doanh thu, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế là loại khai theo lần phát sinh thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài và khai quyết toán khi kết thúc hợp đồng nhà thầu nếu có phát sinh thay đổi số thuế đã khai và nộp. Trường hợp bên Việt Nam thanh toán cho nhà thầu nước ngoài nhiều lần trong tháng thì có thể đăng ký khai thuế theo tháng thay cho việc khai theo từng lần phát sinh thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài.

Bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài và nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai quyết toán thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên Việt Nam;

b) Hồ sơ khai thuế đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác thực hiện theo quy định tại điểm 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Khai thuế đối với hãng hàng không nước ngoài:

c.1) Văn phòng bán vé, đại lý tại Việt Nam của hãng hàng không nước ngoài có trách nhiệm khai thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế cho hãng hàng không nước ngoài.

Hồ sơ khai thuế được nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp Văn phòng bán vé, đại lý tại Việt Nam của hãng hàng không nước ngoài;

c.2) Khai thuế đối với hãng hàng không nước ngoài là loại khai theo quý. Hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định tại điểm 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài:

d.1) Tổ chức làm đại lý tàu biển hoặc đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa cho các hãng vận tải nước ngoài (sau đây gọi chung là đại lý của hãng vận tải) có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các hãng vận tải nước ngoài.

Hồ sơ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài được nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên đại lý của hãng vận tải;

d.2) Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài là tạm nộp theo quý và quyết toán theo năm. Hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định tại điểm 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

đ) Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài:

đ.1) Bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ, khai và nộp thuế thay cho các tổ chức tái bảo hiểm nước ngoài. Hồ sơ khai thuế được nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên Việt Nam;

đ.2) Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài thực hiện theo quý. Hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định tại điểm 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Khai thuế đối với trường hợp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế:

a) Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai quyết toán thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên Việt Nam;

b) Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ theo hướng dẫn tại Điều 19 Thông tư này;

c) Khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế là loại khai theo lần phát sinh thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài và khai quyết toán khi kết thúc hợp đồng nhà thầu nếu có phát sinh thay đổi số thuế đã khai và nộp. Trường hợp nhà thầu nước ngoài nhận được tiền thanh toán nhiều lần trong tháng thì có thể đăng ký khai thuế theo tháng thay cho việc khai theo từng lần phát sinh;

d) Hồ sơ khai thuế, khai quyết toán thuế thực hiện theo quy định tại điểm 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.".

Do vướng mắc chưa nêu cụ thể, Đề nghị người nộp thuế nghiên cứu quy định pháp luật nêu trên và đối chiếu tình hình thực tế, xác định việc khai quyết toán thuế nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

HỒ SƠ 13 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH DAWON VINA-141-13

Địa chỉ: Hà Nội

NỘI DUNG CÂU HỎI

Đề nghị cơ quan thuế hướng dẫn kê khai, nộp thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng ngoại tỉnh

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 74 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026 quy định:

"Điều 15. Phân bổ nghĩa vụ thuế, khoản thu khác phải nộp

....

2. Các trường hợp phải phân bổ thuế, khoản thu khác phải nộp:

a) Người nộp thuế thực hiện phân bổ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong các trường hợp sau:

....

a.2) Hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế quốc dân hoặc quy định của pháp luật về xây dựng, có giá trị công trình xây dựng theo hợp đồng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng từ 01 tỷ đồng trở lên (trừ hoạt động xây dựng trong khu phi thuế quan, tư vấn, khảo sát, thiết kế, kế toán, bảo hiểm);

Điều 74. Hiệu lực thi hành

...

2. Quy định về phân bổ thuế giá trị gia tăng phải nộp tại điểm a.2, a.3, a.4, a.5 và a.6 (trừ trường hợp phân bổ số thuế giá trị gia tăng đầu vào) khoản 2 Điều 15 Nghị định này thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026."

Căn cứ quy định tại Nghị định số 252/2026/NĐ-CP thì quy định phân bổ thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng ngoại tỉnh chỉ áp dụng đến hết ngày 31/12/2026, kể từ năm 2027 căn cứ quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định quản lý thuế thì không còn quy định về phân bổ đối với hoạt động xây dựng ngoại tỉnh.

- Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Thông tư số 89/2026/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01/07/2026):

"Điều 19. Khai thuế giá trị gia tăng

1. Kỳ tính thuế:

c) Khai thuế giá trị gia tăng theo từng lần phát sinh đối với:

....

c.4) Thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nhưng có hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế quốc dân hoặc quy định của pháp luật về xây dựng, có giá trị công trình xây dựng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng từ 01 tỷ đồng trở lên (trừ hoạt động xây dựng trong khu phi thuế quan, tư vấn, khảo sát, thiết kế, kế toán, bảo hiểm), hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn tỉnh khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính, trường hợp người nộp thuế trong tháng phát sinh nhiều lần thì được khai theo tháng;"

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 100 Thông tư số 89/2026/TT-BTC quy định về điều khoản chuyển tiếp:

"2. Quy định tại điểm c.4 khoản 1; các điểm b, c, d, đ và điểm e.1 khoản 3; khoản 4 Điều 19 Thông tư này thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026."

HỒ SƠ 14 / 62

Người nộp thuế: Xation Co Ltd-129-14

Địa chỉ: Hà Nội

NỘI DUNG CÂU HỎI

Doanh nghiệp chế xuất đang nghiên cứu mô hình nhập khẩu linh kiện từ công ty mẹ tại Hàn Quốc, thực hiện nạp chương trình ROM và/hoặc lắp ráp tại Việt Nam, sau đó giao sản phẩm cho khách hàng nội địa theo hình thức xuất khẩu tại chỗ. Hiện chưa có tiêu chí cụ thể để phân định hoạt động "lắp ráp đơn giản" và hoạt động "sản xuất/gia công đủ điều kiện miễn thuế", dẫn đến khó khăn trong việc xác định phạm vi miễn thuế và bảo đảm tuân thủ. XIn hỏi 1. Đối với trường hợp thực hiện cả nạp ROM và lắp ráp bằng thiết bị chuyên dụng, hoạt động này có được xem là gia công đơn giản hay không và có được coi là hoạt động sản xuất thực tế để áp dụng miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu hay không? Trường hợp chỉ lắp ráp bracket bằng máy chuyên dụng, không nạp ROM, có được coi là sản xuất để áp dụng miễn thuế nhập khẩu hay không? 2. Đề nghị Cơ quan Hải quan hướng dẫn rõ các tiêu chí xác định hoạt động sản xuất, bao gồm mức độ thay đổi chức năng hoặc đặc tính sản phẩm, mức độ sử dụng máy móc thiết bị chuyên dụng, quy trình công nghệ, số lượng công đoạn sản xuất và giá trị gia tăng tạo ra tại Việt Nam.

Trả lời:

Nội dung câu hỏi về chính sách thuế không rõ nên cơ quan không có cơ sở trả lời cụ thể.

Hoạt động gia công trong thương mại được quy định tại Điều 178 Luật Thương mại, cụ thể: "Gia công trong thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên nhận gia công sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất theo yêu cầu của bên đặt gia công để hưởng thù lao."

Công đoạn gia công, chế biến đơn giản được quy định tại Điều 9 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP của Chính phủ khi xác định xuất xứ hàng hóa. Tại Luật Hải quan không có định nghĩa về hoạt động sản xuất.

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất (đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) bán hàng hóa của DNCX vào nội địa thì chính sách thuế thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13: Đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu bao gồm hàng hóa xuất khẩu từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan, hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.

HỒ SƠ 15 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH Posco Eco & Challenge Việt Nam-128-15

Địa chỉ: Đồng Nai

NỘI DUNG CÂU HỎI

Công ty TNHH Posco Eco & Challenenge Việt Nam đã được kiểm tra trước hoàn thuế GTGT, kỳ hoàn thuế từ tháng 12/2023 đến tháng 8/2024 theo Quyết định số 2327/QĐ-CTDON ngày 09/10/2024. Ngày 17/10/2024, Công ty phát hiện một số hóa đơn giá trị gia tăng mua vào từ T12/2023 đến T08/2024 bị bỏ sót số tiền 1.239.375.173 đồng do đó Công ty kê khai số hóa đơn bị bỏ sót này vào kỳ khai thuế tháng 9/2024. Sau đó, Công ty tiếp tục được Cơ quan thuế kiểm tra trước hoàn thuế GTGT, kỳ hoàn từ tháng 9/2024 đến tháng 02/2025 theo Quyết định số 2331/QĐ-CCTKT15-DON ngày 05/6/2025. Theo nội dung biên bản kiểm tra trước hoàn thuế GTGT, Đoàn kiểm tra giảm số thuế GTGT đầu vào số tiền 1.319.779.057 đồng do Công ty khai bổ sung không đúng quy định tại Điều 47 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Theo trình bày của Công ty, số thuế GTGT loại trên là số thuế GTGT của các hóa đơn mua vào từ tháng 12/2023 đến tháng 8/2024, trong đó số tiền 1.239.375.173 đồng được kê khai tờ khai tháng 9/2024, ngày kê khai 17/10/2024, số tiền còn lại được kê khai tháng 10/2024, 12/2024, 02/2025. Theo văn bản của công ty, công ty đề nghị xem xét chấp thuận cho Công ty kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào hóa đơn bị bỏ sót, Công ty đề xuất được kê khai vào kỳ hiện tại đối với các hóa đơn mua vào bị bỏ sót từ tháng 12/2023 đến tháng 8/2024.

Trả lời:

Căn cứ khoản 6 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào;

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 9 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định về khấu trừ thuế thuế GTGT đầu vào;

Căn cứ khoản 8 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào;

Căn cứ Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế;

Căn cứ khoản 1 Điều 76 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về thẩm quyền quyết định hoàn thuế;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 112 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ra quyết định kiểm tra thuế và công chức quản lý thuế trong việc kiểm tra thuế;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

Trường hợp sau khi cơ quan thuế đã kiểm tra và xử lý theo quy định đối với hồ sơ hoàn thuế mà việc khai bổ sung làm tăng số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hoặc tăng số thuế được hoàn thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại. Do đó, đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được cơ quan thuế kiểm tra trước hoàn thuế và xử lý theo quy định thì không có cơ sở thực hiện kê khai khấu trừ vào kỳ khai thuế hiện tại. Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với việc xử lý của cơ quan thuế thì thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

HỒ SƠ 16 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH Hwaseung Vina-127-16

Địa chỉ: Đồng Nai

NỘI DUNG CÂU HỎI

Công ty chúng tôi thành lập ngày 02/04/2002 với mã số dự án 8754650618 chứng nhận thay đổi lần thứ 24 ngày 28 tháng 05 năm 2025. Căn cứ tại, khoản 9 điều 18 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN : "9. Trường hợp trong cùng kỳ tính thuế, doanh nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ, hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế, thu nhập khác của các hoạt động kinh doanh (không bao gồm thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư; thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của pháp luật) có thu nhập (hoặc ngược lại) thì doanh nghiệp bù trừ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động có thu nhập do doanh nghiệp lựa chọn. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất của hoạt động còn thu nhập. ....." Trong năm 2025, Công ty Hwaseung Vina có phát sinh kết quả kinh doanh như sau: Hoạt động sản xuất kinh doanh chính đang được hưởng ưu đãi với thuế suất thuế TNDN là 15% phát sinh lỗ. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê xưởng, thu nhập khác phát sinh lời với thuế suất thuế TNDN là 20%. Căn cứ quy định trên thì Công ty Hwaseung Vina đề nghị Cơ quan thuế hướng dẫn để làm căn cứ kê khai quyết toán thuế TNDN: 1/ Trường hợp Công ty phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (thuế suất 15%) và phát sinh lãi từ hoạt động cho thuê xưởng (thuế suất 20%) trong cùng kỳ tính thuế, Công ty có được bù trừ lãi, lỗ giữa các hoạt động sau khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN hay không? Chúng tôi kính đề nghị Quý Cơ quan cho ý kiến hướng dẫn và thủ tục hồ sơ cần nộp kèm theo để phù hợp pháp luật hiện hành. 2/ Trường hợp không được bù trừ, khoản lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính sẽ được xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật thuế TNDN hiện hành? Công ty chúng tôi cam kết nội dung nêu trên và các giấy tờ, tài liệu cung cấp là đúng sự thật và sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Trả lời:

Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định:

- Tại Điều 3. Thu nhập chịu thuế quy định:

1. Thu nhập để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 và thu nhập khác quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bao gồm:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ ngành, nghề đã đăng ký kinh doanh, bao gồm cả ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

....

3. Thu nhập khác bao gồm:

..... đ) Thu nhập từ cho thuê tài sản (trừ tài sản là bất động sản) dưới mọi hình thức.

Thu nhập từ cho thuê tài sản được xác định bằng doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản trừ đi các khoản chi: Chi phí khấu hao, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, chi phí thuê tài sản để cho thuê lại (nếu có) và các chi được trừ khác có liên quan đến việc cho thuê tài sản;

v) Các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật".

- Tại Điều 6. Thu nhập chịu thuế và bù trừ thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế quy định:

"1. Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Phần thu nhập chịu thuế còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập.

3. Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư bị lỗ thì không bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập.

4. Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, không được bù trừ lỗ, lãi với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế".

- Tại khoản 2 Điều 7. Xác định lỗ và chuyển lỗ quy định:

"2. Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế những năm tiếp theo. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ".

- Tại Khoản 9 Điều 23 quy định điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

"9. Thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 và quy định về ưu đãi thuế tại các Điều 4, 19, 20 và 21 của Nghị định này không áp dụng đối với:.....

d) Các khoản thu nhập khác quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế...".

Căn cứ các quy định nêu trên, về nguyên tắc trường hợp doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có

thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP; không thực hiện bù trừ đối với khoản thu nhập khác quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

Trường hợp doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế những năm tiếp theo. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế phát sinh, đối chiếu với các quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp để thực hiện theo đúng quy định.

HỒ SƠ 17 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH Linh Kiện Điện tử SEI Việt Nam-126-17

Địa chỉ: Kcn Thăng Long xã Thiên Lộc Hà nội

NỘI DUNG CÂU HỎI

Công ty chúng tôi có mua một số công cụ dụng cụ của doanh nghiệp nội địa, sau khi sử dụng 1 thời gian thì số công cụ dụng cụ này cần gửi sang nhà cung cấp để sửa chữa cải tạo theo yêu cầu công ty. Tuy nhiên khi chúng tôi mở tờ khai tạm xuất G61 cho doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp nội địa thì mở tờ khai loại hình tạm nhập G23 về để sửa chữa sau đó xuất trở lại DNCX theo loại hình tờ khai G23. Tuy nhiên, hiện tại hải quan 1 số khu vực yêu cầu DNNĐ khi mở tờ khai nhập G13 phải nộp thuế VAT (thuế tính trên giá trị hàng xuất bán ban đầu). Vậy kính nhờ quý cơ quan hướng dẫn cụ thể hơn trong trường hợp này. Xin cảm ơn

Trả lời:

Ngày 23/7/2026 Cục Hải quan có công văn số 19280/CHQ-NVTHQ hướng dẫn các Chi cục Hải quan khu vực về chính sách thuế GTGT hàng hóa tạm nhập tái xuất, theo đó:

1. Về thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định:

“Điều 29. Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hoá

1. Tạm nhập, tái xuất hàng hóa là việc hàng hoá được đưa từ nước ngoài hoặc từ các khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật vào Việt Nam, có làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và làm thủ tục xuất khẩu chính hàng hoá đó ra khỏi Việt Nam.”

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định:

“Điều 48. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu

1. Các loại hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu bao gồm:

a) Phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa;

b) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;

c) Máy móc, thiết bị, phương tiện thi công, khuôn, mẫu theo các hợp đồng thuê, mượn để sản xuất, thi công;

d) Linh kiện, phụ tùng của chủ tàu nhập khẩu để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;

đ) Hàng hóa tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

e) Hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định:

“Điều 41. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác

1. Trừ trường hợp kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại Điều 39 của Luật này, thương nhân được tạm nhập vào Việt Nam hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa không thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo hợp đồng với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam.”

Căn cứ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 50 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định:

“Điều 50. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất

1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm:

a) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm;

b) Tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng;

c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;

d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;

e) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế;

g) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác.”

Căn cứ khoản 25 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 47 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 15 Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương quy định:

“Điều 15. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác

1. Trừ trường hợp hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, thương nhân được tạm nhập hàng hóa vào Việt Nam theo hợp đồng ký với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam theo các quy định sau:…

2. Thương nhân được tạm nhập hàng hóa mà thương nhân đã xuất khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài và tái xuất khẩu trả lại thương nhân nước ngoài. Thủ tục tạm nhập, tái xuất thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất...".

Căn cứ các quy định trên, trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu nhưng được tái nhập khẩu vào Việt Nam để sửa chữa, tái chế, bảo hành hoặc xử lý theo quy định pháp luật về hải quan được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Về chính sách thuế GTGT

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về đối tượng chịu thuế GTGT đối với: "Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.".

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với: "Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào."

Căn cứ khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 12 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ quy định hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Căn cứ Khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định: "Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số".

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với "1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Trong đó, các sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường là các sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay xát, xay vỡ mảnh, nghiền vỡ mảnh, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, xay, đánh bóng hạt, hồ hạt, chia tách ra từng phần, bỏ xương, băm, lột da, nghiền, cán mỏng, ướp muối, đóng hộp kín khí, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.

Trường hợp không xác định được thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm căn cứ vào quy trình sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt do người nộp thuế cung cấp để xác định là sản phẩm chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu theo quy định của pháp luật.".

Căn cứ quy định nêu trên, hàng hóa nhập khẩu sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng tại Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, trừ trường hợp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15. Đối với hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị nước ngoài trả lại:

(i) Trường hợp hàng hóa tái nhập theo hình thức tạm nhập – tái xuất đáp ứng quy định về pháp luật hải quan, pháp luật thương mại, pháp luật về quản lý ngoại thương và thuộc trường hợp quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 12 Điều 4 Nghị định 181/2025/NĐ-CP thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

(ii) Trường hợp hàng hóa tái nhập không thuộc trường hợp tạm nhập – tái xuất thì thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định pháp luật về thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

(iii) Đối với hàng hóa là sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

HỒ SƠ 18 / 62

Người nộp thuế: IN KYUNG VINA CO LTD-126-18

Địa chỉ: THANH HÓA

NỘI DUNG CÂU HỎI

Theo quy định của Luật Thuế TNCN sửa đổi, toàn bộ phần tiền lương, tiền công trả cho thời gian làm thêm giờ (tăng ca) đúng quy định của pháp luật sẽ được miễn 100% thuế thu nhập cá nhân. Tuy nhiên, phần tiền trả cho giờ làm thêm vượt quá mức quy định của Bộ luật Lao động vẫn sẽ tính vào thu nhập chịu thuế. Đơn vị chúng tôi là đơn vị gia công may mặc, chắc chắn sẽ có công nhân tự nguyện tăng ca vượt giờ để hoàn thành mục tiêu sản xuất. Việc theo dõi thời gian vượt giờ quy định như hiện tại để tính thu nhập chịu thuế cá nhân rất khó khăn cho kế toán, nhân sự. Đề nghị cơ quan thuế nghiên cứu thay đổi hoặc là miễn cả, hoặc là tính phần thu nhập tăng ca như luật cũ

Trả lời:

Tại Điều 26 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân, quy định:

“Điều 26. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép

1. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.

2. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định tại khoản 3 Điều 113 của Bộ luật Lao động và quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức.

3. Trường hợp tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép vượt mức quy định của pháp luật thì phần vượt mức quy định tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

Mr Wick Kiểm toán

- Tại Điều 107 Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 quy định: “Điều 107. Làm thêm giờ

1. Thời gian làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động.

2. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây: a) Phải được sự đồng ý của người lao động; b) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng; c) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm trong một số ngành, nghề, công việc hoặc trường hợp sau đây: a) Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản; b) Sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước;

c) Trường hợp giải quyết công việc đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao mà thị trường lao động không cung ứng đầy đủ, kịp thời;”

- Tại Điều 60 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, quy định:

“Điều 60. Giới hạn số giờ làm thêm

1. Tổng số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày làm việc bình thường, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày. 3. Trường hợp làm việc không trọn thời gian quy định tại Điều 32 của Bộ luật Lao động thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

4. Tổng số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong một ngày, khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hằng tuần.

5. Thời giờ quy định tại các khoản 1 Điều 58 Nghị định này được giảm trừ khi tính tổng số giờ làm thêm trong tháng, trong năm để xác định việc tuân thủ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Lao động.”

Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên:

1. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ miễn thuế TNCN thì phải đáp ứng tất cả các điều kiện nêu tại Điều 107 Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14. Trường hợp tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép vượt

mức quy định của pháp luật thì phần vượt mức quy định tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

2. Về đề nghị của Công ty liên quan đến việc miễn thuế TNCN trong trường hợp Công ty mô tả, Cơ quan thuế ghi nhận và nghiên cứu đề nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét khi sửa đổi, bổ sung các quy định theo đúng thẩm quyền.

HỒ SƠ 19 / 62

Người nộp thuế: Kodi Co Ltd-124-19

Địa chỉ: Bắc Giang

NỘI DUNG CÂU HỎI

Một số hàng hóa nhập khẩu đồng thời thuộc diện quản lý, kiểm tra của nhiều bộ/ngành như kiểm tra chuyên ngành, giấy phép nhập khẩu, khai báo hóa chất, dẫn đến phát sinh chi phí, kéo dài thời gian thông quan và tăng gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp. Đề nghị xem xét chỉ định một cơ quan/bộ ngành làm đầu mối quản lý đối với từng nhóm hàng cụ thể; đơn giản hóa thủ tục đối với các mặt hàng phát sinh kiểm tra hoặc khai báo trùng lặp; xem xét loại trừ hoặc nới lỏng thủ tục đối với thép góc, thép chữ U, thép tròn, cáp điện, sơn và hỗn hợp hóa chất (các mặt hàng phổ biến, rủi ro thấp và thiết yếu cho hoạt động sản xuất công nghiệp nặng).

Trả lời:

Nội dung vướng mắc thuộc thẩm quyền của các Bộ quản lý chuyên ngành.

Liên quan đến hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, trong thời gian qua, cơ quan hải quan rất tích cực rà soát, kiến nghị các Bộ quản lý chuyên ngành triển khai các giải pháp nhằm cải cách công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hướng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm thời gian thông quan hàng hoá, xử lý chồng chéo trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành. Ngoài ra, hiện nay, cơ quan hải quan đang xây dựng Đề án thống nhất cơ quan hải quan chủ trì thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với người, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu nhằm tiếp tục cải cách và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra chuyên ngành, giảm thời gian thông quan hàng hoá.

HỒ SƠ 20 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG GLOBAL LOGISTICS VINA-113-20

Địa chỉ: Dist1

NỘI DUNG CÂU HỎI

Công ty còn gặp vướng mắc trong việc xác định chính sách thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các khoản dịch vụ được thực hiện và tiêu dùng hoàn toàn ngoài lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt trong trường hợp bên có nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận thương mại là tổ chức, cá nhân tại Việt Nam. a) Đối với các dịch vụ được thực hiện và tiêu dùng hoàn toàn ngoài lãnh thổ Việt Nam như trình bày nêu

trên, đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn việc xác định các dịch vụ này có thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 hay không. b) Trường hợp các dịch vụ nêu trên thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam, đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn các dịch vụ này có được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP hay không.

Trả lời:

- Tại Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 quy định đối tượng chịu thuế như sau:

"Điều 3. Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này".

- Tại khoản 1, khoản 3 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% như sau:

"Điều 9. Thuế suất

1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:

...

c) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác bao gồm: vận tải quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài và có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam theo quy định của Chính phủ; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại điểm d khoản này;"

- Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng quy định về mức thuế suất 0% như sau:

"Điều 17. Mức thuế suất 0%

...

3. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác bao gồm: vận tải quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước

ngoài và có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 4 Điều này. Trong đó:

a) Vận tải quốc tế bao gồm vận tải hành khách, hành lý, hàng hóa theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả điểm đi và đến ở nước ngoài, không phân biệt có phương tiện trực tiếp vận tải hay không có phương tiện. Trường hợp, hợp đồng vận tải quốc tế bao gồm cả chặng vận tải nội địa thì vận tải quốc tế bao gồm cả chặng nội địa."

Căn cứ các quy định nêu trên:

Trường hợp Công ty ký hợp đồng với khách hàng Việt Nam để cung cấp dịch vụ logistics được thực hiện (diễn ra) tại nước ngoài không thuộc diện điều chỉnh của pháp luật thuế GTGT.

Đề nghị CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG GLOBAL LOGISTICS VINA căn cứ các quy định nêu trên và tình hình thực tế phát sinh tại đơn vị để thực hiện đúng theo quy định.

HỒ SƠ 21 / 62

Người nộp thuế: Công ty Tnhh Shihen Việt Nam-110-21

Địa chỉ: lô 2 TS7 Kcn Tiên sơn

NỘI DUNG CÂU HỎI

Mặt hàng điều hòa đã được nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tại khâu nhập khẩu đầu tiên vào nội địa. Doanh nghiệp nội địa bán mặt hàng này cho doanh nghiệp chế xuất và thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ. Khi doanh nghiệp chế xuất mở tờ khai nhập khẩu, có phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hay không? Hay mặt hàng này không phải nộp lại thuế tiêu thụ đặc biệt do đã hoàn thành nghĩa vụ thuế ở khâu nhập khẩu đầu tiên?

Trả lời:

Cục Hải quan đã có công văn số 17555/CHQ-NVTHQ ngày 16/6/2026 chuyển vướng mắc của Công ty đến Cục QLGSCS thuế, phí và lệ phí chủ trì xử lý. Đề nghị Công ty liên hệ với Cục QLGSCS thuế, phí và lệ phí để được hướng dẫn giải quyết.

HỒ SƠ 22 / 62

Người nộp thuế: KOCHAM-107-22

Địa chỉ: VN

NỘI DUNG CÂU HỎI

a. Vướng mắc của doanh nghiệp Một số quy định chưa rõ ràng hoặc có sự khác biệt trong cách hiểu giữa văn bản hướng dẫn và văn bản cấp trên, làm tăng rủi ro tuân thủ cho doanh nghiệp. Trong giai đoạn chuyển tiếp hoặc khi quy định còn chưa rõ, doanh nghiệp có thể phát sinh sai sót không cố ý nhưng vẫn đối mặt với rủi ro bị xử phạt tiền. b. Câu hỏi Đề nghị cơ quan chức năng cho biết có kế hoạch ban hành tài liệu hướng dẫn chính thức kèm ví dụ thực tiễn hay không; đồng thời xem xét ưu tiên hướng dẫn khắc phục trước khi xử phạt tài chính đối với sai sót không cố ý. c. Ý kiến đề xuất Đề nghị ban hành tài liệu hướng dẫn chi tiết kèm ví dụ thực tiễn; ưu tiên hướng dẫn khắc phục, điều chỉnh trước khi áp dụng xử phạt tài chính đối với các trường hợp không cố ý hoặc phát sinh trong giai đoạn quy định còn chưa rõ ràng.

Trả lời:

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định:

“Điều 58. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực.
2. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có quy định hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.
5. Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong nước không được cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trong nước và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.
6. Việc áp dụng pháp luật khác với quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này do Quốc hội quy định.”.

- Căn cứ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP quy định:

“Điều 9. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

2. Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp tiền thuế đối với người nộp thuế vi phạm hành chính về thuế do thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế (kể cả các văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực), trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế chưa phát hiện sai sót của người nộp thuế trong việc khai, xác định số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng sau đó hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế bị phát hiện.”

Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, trường hợp các quy định pháp luật về thuế tại Luật, Nghị định, Thông tư có sự khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn hoặc nếu cùng một cơ quan ban hành thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.

Nguyên tắc áp dụng quy phạm pháp luật trong giai đoạn chuyển tiếp đã được quy định tại các văn bản QPPL hướng dẫn về thuế. Trường hợp không có điều khoản chuyển tiếp thì văn bản QPPL được áp dụng từ thời điểm có hiệu lực và áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực.

Khi doanh nghiệp – NNT có vướng mắc về chính sách thuế, gặp khó khăn khi áp dụng trong thực tiễn thì NNT có thể gửi văn bản hỏi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn cụ thể. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện theo văn bản hướng dẫn của cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền khác dẫn đến sai sót về nghĩa vụ thuế thì doanh nghiệp không bị xem xét xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

HỒ SƠ 23 / 62

Người nộp thuế: Công ty INNOCHIPS VINA-104-23

Địa chỉ: Lô CN07A Khu công nghiệp Phú HàPhường Phong Châu Tỉnh Phú Thọ Việt Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

Theo quy định mới nhất hiện hành, đối với doanh nghiệp EPE, trong quá trình sản xuất thực tế có phát sinh hao hụt nguyên vật liệu (Loss) khác với định mức ban đầu do đặc thù công nghệ hoặc điều kiện sản xuất. Kính đề nghị Cục Hải quan hướng dẫn về phương pháp quản lý, giải trình và cập nhật định mức/Loss để doanh nghiệp có thể thực hiện đúng quy định và hạn chế phát sinh vướng mắc trong quá trình kiểm tra sau thông quan.

Trả lời:

Khoản 3 Điều 55 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và khoản 28 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định cụ thể về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến định mức thực tế dùng để sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu:

“3. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm lưu trữ dữ liệu, chứng từ, tài liệu liên quan đến việc xác định định mức thực tế và thông báo định mức thực tế của lượng sản phẩm đã sản xuất theo năm tài chính cho cơ quan hải quan khi báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Thông tư này.

Riêng đối với những sản phẩm sản xuất mà khi kết thúc năm tài chính vẫn chưa có sản phẩm hoàn chỉnh thì tổ chức, cá nhân chưa phải nộp định mức thực tế khi nộp báo cáo quyết toán (Ví dụ: gia công, sản xuất xuất khẩu tàu biển có thời gian dự kiến hoàn thành trong 3 năm thì đến năm tài chính thứ 3 mới phải nộp định mức thực tế).

Vật tư không xây dựng được định mức theo sản phẩm thì tổ chức, cá nhân phải lưu trữ các chứng từ liên quan đến việc sử dụng vật tư và thể hiện trong báo cáo quyết toán về tình hình xuất - nhập - tồn kho của vật tư này.”

Theo đó, đề nghị doanh nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành nêu trên để tránh phát sinh vướng mắc khi cơ quan hải quan kiểm tra hoặc kiểm tra sau thông quan.

HỒ SƠ 24 / 62

Người nộp thuế: KOCHAM-102-24

Địa chỉ: Viet Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

a. Vướng mắc của doanh nghiệp Việc các nghị định, thông tư liên tục được sửa đổi, bổ sung tạo ra gánh nặng đáng kể cho doanh nghiệp trong việc theo dõi thay đổi pháp luật và bảo đảm tuân thủ. Nếu thời gian áp dụng quá ngắn, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc điều chỉnh hệ thống kế toán, thuế và quy trình nội bộ. b. Câu hỏi Đề nghị xem xét áp dụng thời gian chuyển tiếp hoặc gia hạn tối thiểu 3 đến 6 tháng trước khi quy định mới có hiệu lực; đồng thời xem xét ban hành văn bản hợp nhất theo giai đoạn để doanh nghiệp dễ theo dõi và áp dụng. c. Ý kiến đề xuất Đề nghị xây dựng lộ trình chuyển tiếp phù hợp, áp dụng thời gian gia hạn tối thiểu từ 3 đến 6 tháng, và cung cấp tài liệu hướng dẫn cho doanh nghiệp khi có sửa đổi quan trọng.

Trả lời:

Tiếp thu kiến nghị của các doanh nghiệp Hàn Quốc phản ánh về việc các nghị định, thông tư liên tục được sửa đổi, bổ sung tạo ra gánh nặng đáng kể cho doanh nghiệp trong việc theo dõi thay đổi pháp luật và bảo đảm tuân thủ, khó khăn trong việc điều chỉnh hệ thống kế toán, thuế và quy trình nội bộ, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Ngành thuế đang đẩy mạnh chuyển đổi số (Hóa đơn điện tử, Tổng đài AI, Thuế điện tử - eTax), do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách (như thay đổi biểu mẫu kê khai, cách tính thuế, đối tượng ưu đãi/giảm thuế) không còn đơn thuần là việc doanh nghiệp đọc hiểu, mà đòi hỏi phải lập trình lại hệ thống phần mềm tại đơn vị.

Việc thay đổi này đã tạo áp lực cho Cơ quan Thuế và người nôp thuế. Bản thân cơ quan thuế địa phương (Thuế tỉnh, Thuế cơ sở) cũng cần thời gian để nâng cấp hệ thống ứng dụng ngành (TMS), tập huấn cho cán bộ thuế để hướng dẫn người nộp thuế áp dụng thống nhất.

Tại Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định:

“Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.”

Việc xây dựng các văn bản pháp luật phải thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, đối với kiến nghị xây dựng lộ trình chuyển tiếp phù hợp, Cục Thuế ghi nhận kiến nghị của doanh nghiệp để nghiên cứu, rà soát đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật

Về kiến nghị cung cấp tài liệu hướng dẫn kịp thời khi có sửa đổi: Cơ quan thuế thường xuyên và liên tục cập nhật, đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Cục Thuế đối với các văn bản mới ban hành và những nội dung sửa đổi quan trọng đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn, file tóm tắt điểm mới, hoặc tổ chức các buổi đối thoại trực tuyến ngay trong giai đoạn chuyển tiếp để tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp trong giai đoạn mới áp dụng.

HỒ SƠ 25 / 62

Người nộp thuế: Công ty INNOCHIPS VINA-101-25

Địa chỉ: Lô CN07A Khu công nghiệp Phú HàPhường Phong Châu Tỉnh Phú Thọ Việt Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

Theo quy định mới nhất hiện hành, đối với doanh nghiệp chế xuất EPE, trong quá trình sản xuất phát sinh sản phẩm lỗi (NG), phế phẩm/phế liệu hoặc nguyên liệu dư thừa, không còn khả năng sử dụng, doanh nghiệp có thể áp dụng những phương án xử lý nào (xuất trả nước ngoài, tiêu hủy, bán thanh lý)? Kính đề nghị Cục Hải quan hướng dẫn cụ thể về điều kiện áp dụng, trình tự thực hiện và hồ sơ cần thiết để doanh nghiệp thực hiện đúng và thống nhất theo quy định. Xin trân trọng cảm ơn

Trả lời:

- Khoản 5, khoản 6 Điều 75 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 51 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và khoản 46 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định:

“5. Xử lý phế liệu, phế phẩm của DNCX:

a) Đối với phế liệu, phế phẩm được phép bán vào thị trường nội địa: Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này, DNCX làm thủ tục xuất khẩu và doanh nghiệp nội địa làm thủ tục nhập khẩu theo loại hình tương ứng;

b) Đối với phế liệu, phế phẩm được phép xuất khẩu ra nước ngoài: DNCX thực hiện thủ tục xuất khẩu theo quy định tại Chương II Thông tư này.

6. Đối với tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm; máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm của DNCX thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 64 Thông tư này.”

- Khoản 1 Điều 79 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 55 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC, khoản 50 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC về thanh lý hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất quy định:

“DNCX thực hiện thanh lý hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu chế xuất, bao gồm: máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, nguyên liệu, vật tư và hàng hoá nhập khẩu khác thuộc sở hữu của DNCX theo các hình thức: xuất khẩu, bán, biếu, tặng, tiêu hủy tại Việt Nam.”

Theo đó, doanh nghiệp nghiên cứu các quy định dẫn trên để áp dụng thủ tục hải quan đúng uy định.

HỒ SƠ 26 / 62

Người nộp thuế: HD Hyundai Việt Nam Shipbuilding-100-26

Địa chỉ: Số 01 TDP Ninh Phước Phường Đông Ninh Hòa Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

Kính đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn đối với mặt hàng "xỉ than đá từ quá trình đốt than đá (Euro Grit)" mã HS 2621.90.90 được nhập khẩu theo loại hình E31 để sử dụng làm vật liệu làm sạch bề mặt thép trong hoạt động đóng tàu xuất khẩu. Theo hồ sơ kỹ thuật của nhà sản xuất, mặt hàng này được tạo ra từ quá trình tái chế xỉ than nhiệt điện thông qua các công đoạn sấy, giải nhiệt, nghiền, sàng và đóng bao, đáp ứng tiêu chuẩn ISO 11126-4/11127 và được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp đóng tàu tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, thực tế vẫn phát sinh vướng mắc trong việc xác định liệu mặt hàng này là sản phẩm, hàng hóa hay là chất thải/phế liệu theo pháp luật về bảo vệ môi trường; đồng thời chưa có cơ sở thống nhất để xác định mặt hàng có thuộc diện cấm nhập khẩu hoặc phải thực hiện thủ tục quản lý chuyên ngành trước khi nhập khẩu hay không. Do đó, kính đề nghị Quý Cơ quan hướng dẫn rõ tiêu chí, căn cứ pháp lý, cơ quan có thẩm quyền xác định bản chất hàng hóa và thủ tục quản lý áp dụng đối với mặt hàng nêu trên để doanh nghiệp có cơ sở thực hiện thống nhất.

Trả lời:

Nội dung vướng mắc của doanh nghiệp thuộc trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Mội trường. Đề nghị doanh nghiệp liên hệ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Môi trường) để được hướng dẫn.

HỒ SƠ 27 / 62

Người nộp thuế: DORCO LIVING VINA-95--27

Địa chỉ: Ninh Bình

NỘI DUNG CÂU HỎI

Vướng mắc của doanh nghiệp: Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên phụ liệu theo loại hình A12, sau khi nhập khẩu phát sinh lỗi NG và chưa đưa vào sản xuất nên tái xuất trả nhà cung cấp theo loại hình B13. Theo hướng dẫn hiện hành, trường hợp này không được hoàn thuế GTGT nhập khẩu, mặc dù hàng hóa không được sử dụng hoặc tiêu thụ tại Việt Nam và doanh nghiệp còn phát sinh chi phí lưu kho, vận chuyển, tái xuất. Xin hỏi: Nếu không được hoàn thuế GTGT tại cơ quan Hải quan, doanh nghiệp có thể thực hiện hoàn thuế thông qua cơ quan thuế nội địa hay không? Nếu không được hoàn thuế, có được bù trừ với nghĩa vụ thuế của các tờ khai phát sinh trong cùng kỳ hay không? Trường hợp không được hoàn hoặc bù trừ, đề nghị hướng dẫn cơ sở pháp lý và phương án xử lý khoản thuế GTGT đã nộp thừa.

Trả lời:

Ngày 30/12/2025, Cục Hải quan đã ban hành công văn số 45806/CHQ-NVTHQ trả lời về việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất trả chủ hàng nước ngoài. Theo đó, trước ngày 01/7/2025 hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất trả lại chủ hàng nước ngoài thì thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1453/TCHQ-TXNK ngày 14/3/2019 của Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan). Trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất trả lại chủ hàng nước ngoài đăng ký tờ khai hải quan xuất khẩu từ ngày 01/7/2025 thì không được hoàn thuế GTGT nộp thừa.

Đề nghị doanh nghiệp căn cứ quy định pháp luật về thuế GTGT và nội dung tại công văn số 45806/CHQ-NVTHQ để thực hiện.

Việc khấu trừ hoàn thuế GTGT đầu vào thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế, đề nghị doanh nghiệp liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế nội địa để được hướng dẫn chi tiết.

HỒ SƠ 28 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH MTV TCE JEANS-91--28

Địa chỉ: Tỉnh lộ 510 Thôn 1 Lê Lợi xã Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG CÂU HỎI

Kính gửi cơ quan Thuế. Theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (thay thế/sửa đổi Thông tư số 80/2021/TT-BTC) có hiệu lực từ ngày 01/07/2026, doanh nghiệp chúng tôi hiện đang lập hồ sơ hoàn thuế cho kỳ tính thuế từ tháng 06/2026 trở về trước mà trên hệ thống chưa có mẫu biểu theo thông tư mới. Kính mong cơ quan Thuế hướng dẫn: Tại thời điểm hiện tại, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ theo hệ thống mẫu biểu của Thông tư 80/2021/TT-BTC hay áp dụng theo mẫu biểu mới của Thông tư 89/2026/TT-BTC để được hoàn thuế GTGT? Xin trân trọng cảm ơn.

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 5, Điều 100 Thông tư 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý Thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý Thuế:

"5. Đối với các hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ miễn thuế, giảm thuế, xóa tiền thuế nợ đã phát sinh và được cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa giải quyết xong, cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục thực hiện theo trình tự, thủ tục xử lý hồ sơ áp dụng trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, trừ quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều này. Hồ sơ khai thuế mà người nộp thuế đã khai chỉ tiêu đề nghị hoàn trên tờ khai thuế của kỳ tính thuế trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 nhưng chưa gửi hồ sơ hoàn thuế đến cơ quan thuế thì áp dụng mẫu biểu đề nghị hoàn thuế theo quy định trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực cho đến thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 99 Thông tư này. Trường hợp người nộp thuế gửi hồ sơ hoàn thuế đến cơ quan thuế sau thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 99 Thông tư này thì thực hiện đề nghị hoàn thuế theo mẫu biểu quy định tại điểm a.2, điểm b.2 khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều 46 Thông tư này."

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp người nộp thuế đã gửi Hồ sơ khai thuế của kỳ thuế thuộc hiệu lực quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC và có chỉ tiêu đề nghị hoàn trên tờ khai thuế, nhưng chưa gửi hồ sơ hoàn thuế đến cơ quan thuế thì đến thời điểm hiện tại người nộp thuế áp dụng mẫu biểu đề nghị hoàn thuế theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC cho đến thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 99 Thông tư 89/2026/TT-BTC. Trường hợp người nộp thuế gửi hồ sơ hoàn thuế đến cơ quan thuế sau thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 99 Thông tư này thì thực hiện đề nghị hoàn thuế theo mẫu biểu quy định tại điểm a.2, điểm b.2 khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều 46 Thông tư 89/2026/TT-BTC.

HỒ SƠ 29 / 62

Người nộp thuế: KOCHAM-89--29

Địa chỉ: Viet Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

a. Vướng mắc của doanh nghiệp: Việc chậm hoàn thuế GTGT làm suy giảm dòng tiền của doanh nghiệp. b. Ý kiến đề xuất: Đơn giản hóa và định kỳ hóa thủ tục xin hoàn thuế GTGT (cần có cơ chế nộp hồ sơ và hoàn thuế theo từng kỳ).

Trả lời:

a. Về vướng mắc trong văn bản của Đại sứ quán Đại Hàn Dân Quốc

Qua rà soát văn bản Cục Thuế ghi nhận hiện không có nội dung vướng mắc nào liên quan cần phản hồi.

b. Về nhận định "Chậm hoàn thuế GTGT và đề nghị cải thiện tính minh bạch của các thủ tục hành chính về thuế", Cục Thuế có ý kiến như sau:

Công tác giải quyết hoàn thuế trên cả nước nói chung và đối với các doanh nghiệp Hàn Quốc nói riêng trong giai đoạn 2024 – 2026 đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Năm 2024: Toàn quốc giải quyết 19.806 quyết định hoàn thuế với tổng số tiền 156.941 tỷ đồng. Trong đó, hoàn thuế cho doanh nghiệp Hàn Quốc là 3.161 quyết định, tổng số tiền đạt 31.421 tỷ đồng (chiếm 20% tổng số tiền hoàn).

Năm 2025: Toàn quốc giải quyết 17.727 quyết định hoàn thuế với tổng số tiền 151.352 tỷ đồng. Trong đó, hoàn thuế cho doanh nghiệp Hàn Quốc là 2.716 quyết định, tổng số tiền đạt 28.349 tỷ đồng (chiếm 19% tổng số tiền hoàn).

Năm 2026 (lũy kế đến ngày 17/06/2026): Toàn quốc giải quyết 8.450 quyết định hoàn thuế với tổng số tiền 76.997 tỷ đồng. Trong đó, hoàn thuế cho doanh nghiệp Hàn Quốc là 1.213 quyết định, tổng số tiền đạt 13.054 tỷ đồng (chiếm 17% tổng số tiền hoàn).

Do đó nhận định "Chậm hoàn thuế GTGT và đề nghị cải thiện tính minh bạch của các thủ tục hành chính về thuế" là chưa đầy đủ và toàn diện. Trong thời gian qua ngành thuế đang triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm rút ngắn thời gian giải quyết hoàn thuế GTGT theo đúng quy định pháp luật cho các doanh nghiệp tuân thủ tốt, vừa nâng cao hiệu quả nhận diện, kiểm soát rủi ro để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận, trục lợi từ chính sách hoàn thuế GTGT, cụ thể:

- Tham mưu hoàn thiện quy định của pháp luật và tái thiết kế quy trình hoàn thuế theo hướng điện tử, minh bạch, tự động hóa. Trên cơ sở đó ngành Thuế đang nghiên cứu hoàn thiện quy định về hoàn thuế GTGT, hoàn thuế tự động trong Luật Quản lý thuế; xây dựng lộ trình hỗ trợ lập tờ khai thuế GTGT gợi ý trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử. Mục tiêu là tăng tính minh bạch trong phân loại, giải quyết hồ sơ hoàn thuế, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao độ chính xác và bảo đảm kiểm soát các bước giải quyết bằng phương thức điện tử.
- Chủ động hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư ngay từ khâu kê khai thuế và lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế. Tăng cường hỗ trợ để hồ sơ được lập đầy đủ, đúng quy định, hạn chế sai sót ngay từ đầu, qua đó giảm thời gian bổ sung, giải trình và rút ngắn quá trình xử lý hồ sơ.

- Phân loại hồ sơ theo nhóm đối tượng, mặt hàng, mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ của người nộp thuế. Đối với doanh nghiệp tuân thủ, hồ sơ đầy đủ, dữ liệu rõ ràng, giao dịch có thật, ngành Thuế nghiên cứu áp dụng cơ chế phân luồng thuận lợi, "luồng xanh", để rút ngắn thời gian hoàn thuế, khơi thông dòng tiền cho doanh nghiệp. Đối với hồ sơ có dấu hiệu rủi ro, cơ quan Thuế sẽ kiểm tra xác minh kỹ lưỡng và phối hợp xử lý theo quy định.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong phân tích, đánh giá rủi ro. Cơ quan Thuế tăng cường khai thác dữ liệu hóa đơn điện tử, dữ liệu kê khai, dữ liệu hoàn thuế, thông tin từ Công an, Hải quan, Ngân hàng và dữ liệu bên thứ ba để đối chiếu hóa đơn, tờ khai, dòng tiền, luồng hàng; qua đó phát hiện sớm hồ sơ có dấu hiệu sử dụng hóa đơn không hợp pháp, gian lận hoặc trục lợi tiền hoàn thuế. Đồng thời, ngành Thuế cũng hướng tới việc đánh giá rủi ro sớm, thậm chí trước khi doanh nghiệp nộp hồ sơ hoàn thuế, nhằm rút ngắn thời gian xử lý đối với các trường hợp đủ điều kiện.
- Tăng cường phối hợp liên ngành trong chia sẻ thông tin, xác minh giao dịch và xử lý vi phạm. Gian lận hóa đơn, hoàn thuế thường gắn với nhiều khâu, nhiều dữ liệu, nhiều địa bàn, nên cần sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Thuế với Công an, Hải quan, Ngân hàng, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan có liên quan trong truy vết dòng tiền, đối chiếu luồng hàng, xác minh tính hợp pháp của giao dịch và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Trong thời gian tới, ngành Thuế sẽ tiếp tục kiên trì định hướng quản lý dựa trên dữ liệu, quản lý rủi ro, phối hợp liên ngành và cải cách thủ tục hành chính, nhằm xây dựng môi trường thuế minh bạch, công bằng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp chân chính và bảo vệ nghiêm kỷ cương pháp luật thuế.

HỒ SƠ 30 / 62

Người nộp thuế: Công ty Trách nhiệm hữu hạn LS Electric Việt Nam-88--30

Địa chỉ: Lô CN11-3 Khu công nghiệp Yên Phong khu mở rộng Xã Yên Trung Bắc Ninh

NỘI DUNG CÂU HỎI

3) Chúng tôi có nhập khẩu mặt hàng Áp tô mát bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều nằm trong phụ lục I của thông tư 36/2026/TT-BKHCN ngày 30/6/2026 (thuộc danh mục hàng hóa có mức rủi ro cao cần thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng), trong thông tư có ghi rõ hiệu lực áp dụng từ ngày 1/4/2027 và theo QCVN 25:2025/BKHCN cũng nêu hiệu lực thi hành kiểm tra nhà nước cho mặt hàng này áp dụng từ 1/4/2027. Hiện nay chúng tôi có lô hàng nhập khẩu về cảng Cát Lái, cán bộ tiếp nhận tờ khai phản hồi trên hệ thống yêu cầu chúng tôi phải thực hiện kiểm tra chất lượng cho lô hàng nhập khẩu trong tháng 7/2026, chúng tôi liên hệ với cán bộ tiếp nhận thì nhận được thông tin, quan điểm của cán bộ tiếp nhận hải quan Cát lái rằng chúng tôi phải tuân thủ theo ngày hiệu lực của thông tư 36/2026/TT-BKHCN là phải thực hiện kiểm tra chất lượng từ 1/7/2026. Vậy cho chúng tôi hỏi quan điểm của cán bộ Hải Quan Cát Lái có đúng không? Và thời hiệu phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhà nước đúng cho mặt hàng nói trên là khi nào?

Trả lời:

Đối với nội dung vướng mắc liên quan đến quy định tại Thông tư số 36/2026/TT-BKHCN, đề nghị doanh nghiệp liên hệ với Bộ Khoa học và Công nghệ để được giải đáp cụ thể.

HỒ SƠ 31 / 62

Người nộp thuế: KHVATEC-85--31

Địa chỉ: Hà Nội

NỘI DUNG CÂU HỎI

Quy định hiện hành: Căn cứ điểm a, khoản 3, điều 61, thông tư 121/2025/TT-BTC quy định xây dựng định mức cho hàng sửa chữa: “Trường hợp sản phẩm tái nhập để tái chế, trong quá trình tái chế có sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sửa chữa, thay thế cho sản phẩm tái nhập và xuất khẩu sản phẩm tái nhập để tái chế thành sản phẩm mới hoặc sản phẩm tái nhập về sửa chữa, tái chế nhưng chỉ tận dụng được một số nguyên liệu, linh kiện, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xây dựng định mức thực tế sử dụng cho sản phẩm tái nhập này theo hướng dẫn tại mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này hoặc mẫu số 16/ĐMTT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này” Khó khăn, vướng mắc: Tiêu chuẩn báo cáo trên hệ thống hải quan: 1 mã hàng chỉ có thể khai báo 1 định mức. Trường hợp mã hàng A sản xuất trong năm và định mức X và cũng là mã hàng A bị khách hàng trả lại để sửa chữa, bảo hành. Với lượng hàng bị trả lại theo quy định phải xây dựng định mức sửa chữa X1 -> 1 mã hàng sẽ có 2 định mức -> không thể khai báo lên hệ thống hải quan Dữ liệu thông quan: Trường hợp hàng trả lại sau khi sửa chữa đổi thành mã mới để đảm bảo 1 mã hàng 1 định mức thì sẽ không khớp thông tin với tờ khai lúc nhập về G13/G14 - Áp dụng định mức để tính chênh lệch tồn kho cuối kỳ: Toàn bộ hàng trả lại được phản ánh lên báo cáo mẫu 15a và hàng trả về để sửa chữa, bảo hành được yêu cầu xây dựng định mức vậy những hàng trả về không sửa chữa thì áp dụng định mức nào? (Báo cáo 15a không tách số lượng xuất sản phẩm xuất khẩu để phân biệt hàng nào là xuất mới hàng nào là xuất trả) - Nguyên vật liệu thu hồi sau khi sửa chữa trùng mã với nguyên vật liệu nhập ban đầu và không phân biệt nguồn khi xuất sử dụng Báo cáo nguyên liệu mẫu 15 yêu cầu phản ánh lượng nguyên liệu, vật tư sử dụng cho sản phẩm tái nhập để tái chế, sửa chữa vào cột xuất khác. Báo cáo định mức mẫu 16: yêu cầu cầu ghi chú trường hợp sửa chữa, tái chế từ sản phẩm tái nhập thì điền "SPTN". - Đề nghị: + Hướng dẫn Công ty cách thức lập báo cáo quyết toán cho hàng xuất khẩu bị khách hàng trả lại để sửa chữa, bảo hành theo những nội dung khó khăn được trên. + Đề nghị Cơ quan Hải quan ghi nhận ý kiến của doanh nghiệp và đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định phù hợp nhằm hài hòa lợi ích doanh nghiệp và nguồn thu ngân sách nhà nước.

Trả lời:

1. Tại mục 2 công văn số 11811/CHQ-GSQL ngày 12/02/2026 hướng dẫn về cách thức xử lý đối với tờ khai tái nhập hàng hóa là sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu, DNCX để tái chế, thu hồi linh kiện theo loại hình G13 đã đăng ký kể từ thời điểm Nghị định số 167/2025/NĐ-CP có hiệu lực:

“Doanh nghiệp thực hiện quản lý, theo dõi lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện thu hồi từ sản phẩm tái nhập, phản ánh vào báo cáo quyết toán theo hướng dẫn tại công văn số 8444/CHQ-GSQL ngày 02/02/2026. Cơ quan hải quan căn cứ báo cáo quyết toán và hồ sơ, chứng từ theo dõi việc thu hồi nguyên liệu, vật tư, linh kiện từ hàng hóa tái nhập của doanh nghiệp, chứng từ quản lý, theo dõi hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất để điều chỉnh chỉ tiêu “Số lượng đã tái xuất/tái nhập” và “Số lượng còn lại” trên tờ khai G13 (Nghiệp vụ TIA/TIB). Sử dụng nghiệp vụ CTI để ghi nhận lý do điều chỉnh và phê duyệt để cập nhật lượng hàng trên hệ thống.”

2. Về việc xây dựng định mức cho sản phẩm tái nhập để tái chế thành sản phẩm khác, điểm a khoản 3 Điều 61 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và khoản 33 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định doanh nghiệp “có trách nhiệm xây dựng định mức thực tế sử dụng cho sản phẩm tái nhập này theo hướng dẫn tại mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này hoặc mẫu số

16/ĐMTT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này; theo dõi theo các quy định của Bộ Tài chính về chế độ kế toán, kiểm toán và Báo cáo quyết toán với cơ quan Hải quan theo năm tài chính".

Do vậy, đề nghị Công ty căn cứ vào thực tế sản xuất của Công ty để xây dựng định mức và tổ chức theo dõi đúng quy định.

HỒ SƠ 32 / 62

Người nộp thuế: LG Display-81--32

Địa chỉ: Hải Phòng

NỘI DUNG CÂU HỎI

Quy định hiện hành: khoản 2 Điều 74 Thông tư số 121/2025/TT-BTC hàng hóa được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ. Theo quy định mới này đã loại bỏ trường hợp lựa chọn mở hoặc không làm thủ tục hải quan đối với trường hợp hàng hóa đưa vào, đưa ra DNCX để sửa chữa, bảo hành. Ngoài ra, theo hướng dẫn tại mục 17 Phụ lục ban hành kèm Công văn số 8444/CHQ-GSQL ngày 02/02/2026 của Cục Hải quan hướng dẫn khai báo hải quan như sau: "- Trường hợp hàng hóa đưa vào, đưa ra không thay đổi mã số, tên hàng, tính chất, chức năng thì người giao hàng sử dụng mã loại hình G61 - G51, người nhận hàng sử dụng mã loại hình G13 - G23; - Các trường hợp khác, người giao hàng sử dụng mã loại hình E54 - E23, người nhận hàng sử dụng mã loại hình E23 - E54. - Về chứng từ: Các doanh nghiệp sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ khi xuất khẩu; phiếu nhập kho khi nhập khẩu..." Căn cứ Khoản 1 Điều 57 Luật Quản lý ngoại thương quy định: "Hàng hóa đưa từ khu vực hải quan riêng vào nội địa được áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương như hàng hóa đưa từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam." Căn cứ Thông tư 26/2025/TT-BKHCN quy định các trường hợp được phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu. Trong đó quy định một số trường hợp phục vụ mục đích đặc dụng, nghiên cứu khoa học, gia công cho thương nhân nước ngoài. Tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng cho trường hợp đưa hàng từ doanh nghiệp chế xuất vào nội địa để sửa chữa rồi đưa trở lại doanh nghiệp theo hình thức tạm nhập tái xuất/tạm xuất tái nhập. Doanh nghiệp chúng tôi là doanh nghiệp chế xuất. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Doanh nghiệp có nhiều bản mạch điện tử đã qua sử dụng là bộ phận của máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất. Khi các bản mạch này bị lỗi, hư hỏng, doanh nghiệp có nhu cầu chuyển vào nội địa để đối tác chuyên môn thực hiện sửa chữa, sau đó đưa trả lại doanh nghiệp để tiếp tục sử dụng cho hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, do hàng hóa thuộc danh mục cấm nhập khẩu vào nội địa, doanh nghiệp không thể thực hiện thủ tục theo loại hình tạm xuất tái nhập. Đồng thời, đơn vị sửa chữa trong nội địa cũng không thể thực hiện thủ tục theo loại hình tạm nhập tái xuất đối với hàng hóa này. Điều này dẫn đến khó khăn lớn cho doanh nghiệp trong việc bảo trì, sửa chữa thiết bị, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, tiến độ đơn hàng và hiệu quả sử dụng tài sản. - Đề xuất, kiến nghị: 1. Bổ sung thêm nội dung được lựa chọn thông quan cho mặt hàng đưa đi sửa chữa của DNCX 2. Doanh nghiệp chế xuất được phép đưa sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng vào nội địa để sửa chữa, sau đó đưa trả lại doanh nghiệp để tiếp tục sử dụng, áp dụng thủ tục hải quan theo loại hình tạm xuất tái nhập và tạm nhập tái xuất đối với trường hợp đưa hàng vào nội địa để sửa chữa.

Trả lời:

Các trường hợp DNCX được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan đã được quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ, khoản 2 Điều 74 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 50 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và khoản 45 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính và hướng dẫn tại công văn số 8444/CHQ-GSQL ngày 02/02/2026 của Cục Hải quan, đề nghị Công ty căn cứ quy định nêu trên để thực hiện.

Về việc áp dụng chính sách mặt hàng đối với hàng hóa đưa từ DNCX vào nội địa để sửa chữa đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan quản lý chuyên ngành để được hướng dẫn.

HỒ SƠ 33 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MTV DREAM MEKONG-76--33

Địa chỉ: HỘI CƯ ĐỒNG THÁP

NỘI DUNG CÂU HỎI

Điều 12 Nghị định 320/2025/NĐ-CP quy định "Trường hợp các doanh nghiệp nước ngoài bán hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện tại kho ngoại quan để nhập khẩu vào Việt Nam phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng... không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp". Công ty tôi sản xuất hàng xuất khẩu 100%, có nhập Vải từ DN nước ngoài tại kho ngoại quan, công ty tự xác định và ngưng nộp thuế Nhà thầu nước ngoài hay phải có xác nhận từ cơ quan thuế quản lý rằng công ty đáp ứng điều kiện mới không cần nộp thuế này?

Trả lời:

Tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định "b) Cung cấp và phân phối hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms): 1%; riêng trường hợp các doanh nghiệp nước ngoài bán hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện tại kho ngoại quan, khu phi thuế quan để nhập khẩu vào Việt Nam phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng, các doanh nghiệp nước ngoài chỉ định doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện cho doanh nghiệp chế xuất khác để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp".

Nội dung này được quy định chi tiết tại Thông tư số 20/2026/TT-BTC.

- Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/3/2026 của Bộ Tài chính quy định:

“2. Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện miễn thuế, giảm thuế, thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ vào thu nhập chịu thuế để kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế”.

- Tại Điều 7 Thông tư số 20/2026/TT-BTC nêu trên quy định:

“Điều 7. Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam

quy định tại Điều 2, khoản 4 Điều 3 và khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

Anchor 1. Quy định tại Điều này áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) thuộc các trường hợp sau đây:

....

b) Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp dịch vụ, cung cấp dịch vụ gắn với hàng hóa, cung cấp và phân phối hàng hóa (bao gồm cả trường hợp ủy quyền hoặc thuê một số tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện một phần dịch vụ phân phối, dịch vụ khác liên quan đến việc bán hàng hóa tại Việt Nam) theo hình thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms), trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho doanh nghiệp nước ngoài thuê gia công; cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số.

Đối với trường hợp cung cấp và phân phối hàng hóa tại Việt Nam quy định tại điểm này được áp dụng khi nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài vẫn là chủ sở hữu đối với hàng hóa giao cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc chịu trách nhiệm về chi phí phân phối, quảng cáo, tiếp thị, chất lượng dịch vụ, chất lượng hàng hóa giao cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc ấn định giá bán hàng hóa hoặc giá cung ứng dịch vụ;

c) Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp hàng hóa dưới hình thức điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo một số dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như dịch vụ quảng cáo, tiếp thị/marketing, hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ sau bán hàng, dịch vụ lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế và các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa;

d) Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thông qua tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện việc đàm phán, ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài;

d) Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối tại thị trường Việt Nam, mua hàng hóa để xuất khẩu, bán hàng hóa cho thương nhân Việt Nam theo pháp luật về thương mại và pháp luật về quản lý ngoại thương.

2. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

....

Anchor n) Doanh nghiệp nước ngoài bán hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện tại kho ngoại quan, khu phi thuế quan để nhập khẩu vào Việt Nam phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng; doanh nghiệp nước ngoài chỉ định doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện cho doanh nghiệp chế xuất khác để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP".

Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện miễn thuế, giảm thuế để kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế. Theo đó, đề nghị doanh nghiệp thực hiện theo quy định, trường hợp có vướng mắc đề nghị doanh nghiệp liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn cụ thể.

Trân trọng./.

HỒ SƠ 34 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MTV DREAM MEKONG-75--34

Địa chỉ: HỘI CƯ ĐỒNG THÁP

NỘI DUNG CÂU HỎI

Điều 26 NĐ 253/2026/NĐ-CP quy định Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động. Trường hợp không thể tách được phần làm thêm giờ vượt mức quy định trên bảng lương, doanh nghiệp nên làm thế nào?

Trả lời:

Về nội dung này, Cục Thuế trả lời như sau:

Tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định:

“Điều 26. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép

1. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.

Tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc, khoản tiền lương làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Bảng kê này được lưu tại tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan thuế. Trường hợp không lập bảng kê riêng, tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm chứng minh khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc thông qua bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động và các tài liệu hợp pháp khác”.

Tại khoản 3, Điều 95 Bộ Luật lao động quy định:

“Điều 95. Trả lương ….3. Mỗi lần trả lương, người sử dụng lao động phải thông báo bảng kê trả lương cho người lao động, trong đó ghi rõ tiền lương, tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, nội dung và số tiền bị khấu trừ (nếu có).” Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty không lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc hoặc không chứng minh được khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc thông qua bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động và các tài liệu hợp pháp khác thì không đáp ứng điều kiện được miễn thuế TNCN.

Mr Wick Kiểm toán

Đề nghị Công ty căn cứ quy định nêu trên để thực hiện./.

HỒ SƠ 35 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MTV DREAM MEKONG-71--35

Địa chỉ: HỘI CƯ ĐỒNG THÁP

NỘI DUNG CÂU HỎI

Điều 50 NĐ 253/2026/NĐ-CP quy định khấu trừ thuế TNCN 10% trường hợp NLĐ đã chấm dứt HĐLĐ. Ví dụ NLĐ nghỉ việc cuối tháng 6, đến giữa tháng 7 công ty mới chi trả phần thu nhập tháng 6 =11 triệu (bao gồm 10 triệu lương cơ bản + 1 triệu tăng ca). Trường hợp này công ty có phải khấu trừ 10% không, nếu có thì và khấu trừ trên mức thu nhập 10 hay 11 triệu?

Trả lời:

Do thông tin chưa đầy đủ. Về nguyên tắc, Cục Thuế trả lời như sau:

Tại khoản 2 Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 quy định:

“Điều 3. Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân gồm các loại thu nhập sau đây, trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật này:

...2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công;

b) Tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức;

c) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác trừ các khoản: phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực theo quy định của pháp luật; phụ cấp, trợ cấp, sinh hoạt phí do cơ quan Việt Nam ở nước ngoài chi trả; trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, trợ cấp tuất hàng tháng và các khoản trợ cấp khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm; trợ cấp mang tính chất bảo trợ xã hội và các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác không mang tính chất tiền lương, tiền công do Chính phủ quy định”.

Tại khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định:

“1. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.

Mr Wick Kiểm toán

....3. Trường hợp tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép vượt mức quy định của pháp luật thì phần vượt mức quy định tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân"

Tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định:

"2. Tổ chức, cá nhân trả tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng (bao gồm cả trường hợp trả tiền lương, thu nhập khác cho người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động) mà mức chi trả thu nhập từ 05 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả thu nhập cho cá nhân. Trường hợp mức chi trả thu nhập dưới 05 triệu đồng/lần thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% khi cá nhân có yêu cầu."

Đề nghị Công ty căn cứ quy định nêu trên và điều kiện thực tế đáp ứng, liên hệ cơ quan quản lý trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định.

HỒ SƠ 36 / 62

Người nộp thuế: HD HYUNDAI VIỆT NAM-70--36

Địa chỉ: Khánh Hòa

NỘI DUNG CÂU HỎI

Liên quan đến vấn đề hoàn thuế đối với NVL nhập khẩu tại chỗ để sản xuất xuất khẩu, Cục Hải quan đã ban hành Công văn số 14596/CHQ-NVTHQ ngày 31/3/2026 gửi Kocham. Theo nội dung đề cập tại công văn, việc xem xét hoàn thuế đối với NVL nhập khẩu tại chỗ để sản xuất xuất khẩu được thực hiện như sau: "Trước ngày 01/07/2025: các tờ khai nhập khẩu tại chỗ có hàng hóa đề nghị hoàn thuế nhập khẩu đã nộp phải đảm bảo quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP, theo đó thương nhân nước ngoài trong giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ đáp ứng điều kiện không có hiện diện tại Việt Nam. Từ ngày 01/07/2025 đến nay: Các tờ khai nhập khẩu tại chỗ có hàng hóa đề nghị hoàn thuế nhập khẩu đã nộp phải đảm bảo quy định tại Luật 90/2025/QH15; Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ- CP sửa đổi, bổ sung tại Khoản 19, Điều 1, Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, theo đó không còn phân biệt việc thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam". Theo hướng dẫn nêu trên, chúng tôi hiểu rằng NVL nhập khẩu tại chỗ trước ngày 01/07/2025 để sản xuất xuất khẩu chỉ được xem xét hoàn thuế nhập khẩu nếu thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật hiện hành, cộng đồng doanh nghiệp có cách hiểu như sau: Về chính sách thuế chung đối với NVL nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu, NVL nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu. Riêng đối với NVL nhập khẩu tại chỗ để sản xuất xuất khẩu, người nhập khẩu tại chỗ phải nộp thuế nhập khẩu, và được xem xét hoàn thuế nhập khẩu sau khi đã xuất khẩu sản phẩm Từ ngày 01/07/2025, Luật hải quan sửa đổi, cho phép thực hiện xuất nhập khẩu tại chỗ mà không phân biệt thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam hay không. Chúng tôi hiểu rằng quy định mới này được ban hành trên cơ sở Chính phủ nhận thấy những bất cập của các quy định trước đây, vốn không còn phù hợp với định hướng phát triển và chính sách khuyến khích đầu tư hiện nay. Trong trường hợp sản phẩm của cộng đồng doanh nghiệp được xuất khẩu 100%, chúng tôi hiểu rằng thuế nhập khẩu đã nộp cho NVL nhập khẩu tại chỗ đủ điều kiện để được hoàn lại theo nguyên tắc hoàn thuế tại Luật thuế xuất nhập khẩu. - Đề xuất, kiến nghị: Thay mặt cho cộng đồng doanh nghiệp, chúng tôi kính đề nghị Quý bộ phối hợp với Chính phủ, Cục hải quan, và các cơ quan liên

quan nghiên cứu, xem xét cho phép hoàn thuế nhập khẩu đã nộp đối với NVL nhập khẩu tại chỗ trước ngày 01/07/2025 để phục vụ sản xuất xuất khẩu 100%.

Trả lời:

Liên quan đến vướng mắc của doanh nghiệp Cục Hải quan đã có công văn số 14596/CHQ-NVTHQ ngày 31/3/2026 trả lời kiến nghị của Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam, Công ty CP Dệt may ĐT-TM dệt Thành Công.

Hiện nay, Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP không có quy định hồi tố đối với trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ nên đề nghị doanh nghiệp nghiên cứu và thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 14596/CHQ-NVTHQ nêu trên.

HỒ SƠ 37 / 62

Người nộp thuế: Công TyTNHH ANT VINA-69--37

Địa chỉ: 1 nguyễn du long xuyên an giang

NỘI DUNG CÂU HỎI

Hạch toán Kế toán (Thông tư 59/2025/TT-BTC): Sử dụng tỷ giá thực tế tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu. Tỷ giá thực tế là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ (xấp xỉ +/-1%). Khai báo Thuế (Luật 48 Quốc Hội, Nghị định 252/2026/NĐ-CP và Thông tư 121/2025/TT-BTC): Sử dụng tỷ giá tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật hải quan, tức là tỷ giá tính thuế do Kho bạc Nhà nước công bố; riêng đối với hàng hóa xuất khẩu thì tỷ giá mua vào chuyển khoản của Vietcombank ngày thứ Năm tuần trước liền kề. Quy định tồn tại song song hai mức tỷ giá (kế toán và thuế) quy đổi có thể dẫn đến: Doanh thu trên báo cáo tài chính khác với doanh thu phục vụ kê khai thuế và hải quan. Tỷ giá hạch toán khác với tỷ giá khai báo phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định 252/2026/NĐ-CP thì: "4. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tỷ giá tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.".

Tỷ giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

"5. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần.

Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với các

ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và công bố tỷ giá."

Theo đó, tỷ giá tính thuế khi khai tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định nêu trên. Toàn bộ các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần áp dung chung một tỷ giá, không phụ thuộc vào ngày mở tờ khai hải quan hoặc ngày giao hàng thực tế trong tuần.

Tỷ giá do Kho bạc Nhà nước công bố theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 8 Thông tư số 328/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 9 Điều 1 Thông tư số 72/2021/TT-BTC là tỷ giá hạch toán ngoại tệ hàng tháng được áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước đối với các nghiệp vụ quy đổi và hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ; quy đổi và hạch toán kế toán của Kho bạc Nhà nước. Cơ quan quản lý thuế thực hiện theo tỷ giá do Kho bạc Nhà nước công bố để hạch toán thu ngân sách nhà nước, người nộp thuế khai tờ khai hải quan thực hiện theo tỷ giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP nêu trên.

HỒ SƠ 38 / 62

Người nộp thuế: KOTRA-68--38

Địa chỉ: Viet Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

a. Quy định Thông tư 13/2023/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 14 tháng 4 năm 2023 đến ngày 1 tháng 7 năm 2025) 2. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ. Nghị định 49/2022/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 12 tháng 9 năm 2022 đến ngày 1 tháng 7 năm 2025) Khoản 3 Điều 1 a) Cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh và áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT (bao gồm cả cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư), có dự án đầu tư mới (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc có nhiều hạng mục đầu tư) theo quy định của Luật Đầu tư, đặt tại cùng tỉnh, thành phố hoặc tại tỉnh, thành phố khác nơi đóng trụ sở chính (trừ các trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này và dự án đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định), đang trong giai đoạn đầu tư, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, được hoàn thuế GTGT nếu: • Số thuế GTGT đầu vào tích lũy của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên. Cơ sở kinh doanh phải: • Kê khai thuế GTGT riêng đối với dự án đầu tư; và • Bù trừ số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư với số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ: • Nếu số thuế GTGT đầu vào tích lũy chưa được khấu trừ hết còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT. Theo Điều 30 Nghị định 181/2025/NĐ-CP: “Điều 30. Hoàn thuế GTGT đối với đầu tư Trường hợp cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư thành lập tổ chức kinh tế mới hoặc giao cho Ban Quản lý dự án, chi nhánh trực tiếp thực hiện, quản lý dự án đầu tư thì tổ chức kinh tế mới thành lập, Ban Quản lý dự án, chi nhánh được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư. Tổ chức kinh tế mới thành lập, Ban Quản lý dự án, chi nhánh phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang thực hiện của cơ sở kinh doanh, tổ chức kinh tế, chi nhánh cùng kỳ tính thuế (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn

thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều này. Khi dự án đầu tư, giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư đã hoàn thành, trường hợp tổ chức kinh tế mới thành lập, Ban Quản lý dự án, chi nhánh không tiếp tục quản lý, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh mà do chủ dự án đầu tư trực tiếp quản lý, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc giao cho cơ sở kinh doanh khác quản lý, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh thì tổ chức kinh tế mới thành lập, Ban Quản lý dự án, chi nhánh phải bàn giao số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết của dự án đầu tư để bàn giao cho chủ dự án đầu tư hoặc cơ sở kinh doanh được giao quản lý, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh để tiếp tục kê khai, khấu trừ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh vào kỳ tính thuế tiếp theo ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành.” b. Vấn đề và Câu hỏi Điều 30 của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định rõ ràng rằng trường hợp cơ sở kinh doanh giao cho chi nhánh hoặc ban quản lý dự án thực hiện và quản lý dự án đầu tư, thì chi nhánh hoặc ban quản lý dự án đó được kê khai thuế GTGT, bù trừ thuế đầu vào, và đề nghị hoàn thuế GTGT liên quan đến dự án đầu tư. Tuy nhiên, chưa rõ liệu Điều 30 có phải là một quy định mới mở rộng đối tượng được hoàn thuế kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, hay chỉ nhằm làm rõ khái niệm “cơ sở kinh doanh” được sử dụng theo Nghị định số 49/2022/NĐ-CP. Nói cách khác, việc Nghị định số 49/2022/NĐ-CP không đề cập rõ ràng chi nhánh là đối tượng đề nghị hoàn thuế không nhất thiết có nghĩa là chi nhánh bị cấm đề nghị hoàn thuế GTGT đầu tư, đặc biệt là khi chi nhánh được chủ dự án giao trực tiếp thực hiện, quản lý dự án đầu tư và đáp ứng đầy đủ các điều kiện thực chất để được hoàn thuế. Theo đó, chúng tôi rất mong nhận được sự làm rõ về các điểm sau: Điều 30 của Nghị định số 181/2025/ND-CP nên được hiểu là mở rộng đối tượng cho các chi nhánh để yêu cầu hoàn thuế GTGT đầu tư từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 trở đi, hay là làm rõ khung pháp lý hiện hành theo Nghị định số 49/2022/ND-CP? Theo quy định áp dụng trước ngày 1 tháng 7 năm 2025, một chi nhánh (dù là phụ thuộc hay độc lập) được giao trực tiếp thực hiện và quản lý dự án đầu tư có đủ tư cách pháp lý để tự kê khai và đề nghị hoàn thuế GTGT đầu tư dưới tên của chính mình, với điều kiện đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoàn thuế hay không Đối với một dự án đầu tư được thực hiện và vận hành bởi một chi nhánh phụ thuộc trước ngày 1 tháng 7 năm 2025, trường hợp chi nhánh chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT nhưng vẫn trong thời hạn luật định để nộp đơn đề nghị hoàn thuế, chi nhánh có thể nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế trực tiếp hay hồ sơ đề nghị hoàn thuế đó vẫn bắt buộc phải nộp thông qua Trụ sở chính? trên cơ sở dự án được thực hiện trong thời gian Nghị định số 49/2022/NĐ-CP có hiệu lực?

Trả lời:

- Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế đối với dự án đầu tư như sau:

a) Cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ (bao gồm cả cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư) có dự án đầu tư mới (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư) theo quy định của Luật Đầu tư tại địa bàn cùng tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này và dự án đầu tư xây dựng nhà để bán, dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng riêng đối với dự án đầu tư và phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào lũy kế của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì cơ quan thuế có thể sử dụng kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để quyết định việc hoàn thuế giá trị gia tăng."

- Tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 13/2023/TT-BTC ngày 28/2/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 49/2022/NĐ-CP hướng dẫn:

"2. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 t háng 7 năm 2022 của Chính phủ."

Căn cứ quy định trên, trường hợp Chi nhánh trực tiếp triển khai thực hiện dự án đầu tư và Chi nhánh đáp ứng điều kiện là cơ sở kinh doanh thì Chi nhánh được kê khai, hoàn thuế đối với dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP.

HỒ SƠ 39 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KINH DOANH MIỄN THUẾ LOTTE PHÚ KHÁNH-65--39

Địa chỉ: Tầng 11 - 12 Indochina Riverside Tower 74 Bạch Đằng Phường Hải Châu TP Đà Nẵng Việt Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

Doanh nghiệp kinh doanh bán hàng miễn thuế A có được phép bán lại/chuyển nhượng nguyên trạng lô hàng miễn thuế (chưa nộp thuế nhập khẩu, VAT) cho Doanh nghiệp kinh doanh bán hàng miễn thuế B để tiếp tục bán cho đối tượng hưởng ưu đãi miễn thuế hay không? Nếu quy định hiện hành chưa cho phép việc này, DN có thể đề xuất bổ sung hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định 273/2026/NĐ-CP ngày 7/7/2026 về kinh doanh hàng miễn thuế thì không có quy định đối với trường hợp chuyển nhượng hàng hóa tạm nhập khẩu để bán miễn thuế cho đối tượng doanh nghiệp kinh doanh bán hàng miễn thuế khác. Trường hợp hàng hóa đã đưa vào để bán tại cửa hàn miễn thuế nhưng thay đổi mục đích sửa dụng, chuyển tiêu thụ nội địa hoặc tái xuất thì thực hiện theo quy định tại điều 16 Nghị định 273/2026/NĐ-CP ngày 7/7/2026 của Chính phủ.

HỒ SƠ 40 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH YKK Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Văn-64--40

Địa chỉ: KCN Đồng Văn III - Phường Đồng Văn - Tỉnh Ninh Bình

NỘI DUNG CÂU HỎI

Kinh gửi Cục Thuế - Hải Quan, công ty em có câu hỏi như sau: Công ty em có tạm nhập hàng hóa về để sửa chữa, sau đó tái xuất theo đúng thời hạn . Vậy khi tạm nhập hàng hóa về, công ty có phải nộp thuế GTGT không? Theo như Công văn 1485 CST XNK miễn thuế GTGT. Nhưng gần đây bên em thấy một số Chi Cục đang truy thu khoản giá trị gia tăng cho trường hợp này. Rất mong được lời giải đáp từ Quý Cục!

Trả lời:

Ngày 23/7/2026 Cục Hải quan có công văn số 19280/CHQ-NVTHQ hướng dẫn các Chi cục Hải quan khu vực về chính sách thuế GTGT hàng hóa tạm nhập tái xuất, theo đó:

1. Về thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định:

“Điều 29. Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hoá

1. Tạm nhập, tái xuất hàng hóa là việc hàng hoá được đưa từ nước ngoài hoặc từ các khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật vào Việt Nam, có làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và làm thủ tục xuất khẩu chính hàng hoá đó ra khỏi Việt Nam.”

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định:

“Điều 48. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu

1. Các loại hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu bao gồm:

a) Phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa;

b) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;

c) Máy móc, thiết bị, phương tiện thi công, khuôn, mẫu theo các hợp đồng thuê, mượn để sản xuất, thi công;

d) Linh kiện, phụ tùng của chủ tàu nhập khẩu để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;

đ) Hàng hóa tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

e) Hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định:

“Điều 41. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác

1. Trừ trường hợp kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại Điều 39 của Luật này, thương nhân được tạm nhập vào Việt Nam hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa không thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo hợp đồng với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam.”

Mr Wick Kiểm toán

Căn cứ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 50 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định:

“Điều 50. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất

1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm:

a) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm;

b) Tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng;

c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;

d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;

e) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế;

g) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác.”

Căn cứ khoản 25 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 47 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 15 Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương quy định:

“Điều 15. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác

1. Trừ trường hợp hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, thương nhân được tạm nhập hàng hóa vào Việt Nam theo hợp đồng ký với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam theo các quy định sau:...

2. Thương nhân được tạm nhập hàng hóa mà thương nhân đã xuất khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài và tái xuất khẩu trả lại thương nhân nước ngoài. Thủ tục tạm nhập, tái xuất thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất...”.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu nhưng được tái nhập khẩu vào Việt Nam để sửa chữa, tái chế, bảo hành hoặc xử lý theo quy định pháp luật về hải quan được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Về chính sách thuế GTGT

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về đối tượng chịu thuế GTGT đối với: “Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.”.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với: “Sản phẩm cây trồng, rừng trồng,

chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào."

Căn cứ khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 12 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ quy định hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Căn cứ Khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định: "Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số".

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với "1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Trong đó, các sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường là các sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay xát, xay vỡ mảnh, nghiền vỡ mảnh, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, xay, đánh bóng hạt, hồ hạt, chia tách ra từng phần, bỏ xương, băm, lột da, nghiền, cán mỏng, ướp muối, đóng hộp kín khí, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.

Trường hợp không xác định được thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm căn cứ vào quy trình sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt do người nộp thuế cung cấp để xác định là sản phẩm chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu theo quy định của pháp luật.".

Căn cứ quy định nêu trên, hàng hóa nhập khẩu sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng tại Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, trừ trường hợp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15. Đối với hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị nước ngoài trả lại:

(i) Trường hợp hàng hóa tái nhập theo hình thức tạm nhập – tái xuất đáp ứng quy định về pháp luật hải quan, pháp luật thương mại, pháp luật về quản lý ngoại thương và thuộc trường hợp quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 12 Điều 4 Nghị định 181/2025/NĐ-CP thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

(ii) Trường hợp hàng hóa tái nhập không thuộc trường hợp tạm nhập – tái xuất thì thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định pháp luật về thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

(iii) Đối với hàng hóa là sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

HỒ SƠ 41 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH Kinh doanh miễn thuế Lotte Phú Khánh-61--41

Địa chỉ: 11th – 12th Floor Indochina Riverside Tower 74 Bach Dang Street Hai Chau Ward

NỘI DUNG CÂU HỎI

Từ ngày 01/07/2025, theo luật VAT số 48 của Quốc Hội, hàng bán tại cửa hàng miễn thuế được áp dụng thuế suất đầu ra 0% (xuất khẩu) nên cơ quan hải quan yêu cầu doanh nghiệp phải nộp VAT thuế suất 10% tại khâu nhập khẩu. Từ ngày 30/09/2025: Cục hải quan xác nhận rằng tại khâu nhập khẩu thì không phải nộp thuế GTGT (không chịu VAT) do hàng miễn thuế nhập khẩu được xác định là hàng tạm nhập tái xuất. Đầu ra vẫn giữ nguyên là VAT 0% (xuất khẩu) Vậy, phần thuế GTGT mà DN đã nộp tại khâu nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan Hải quan cho giai đoạn từ ngày 01/07/2025-30/09/2025 thì có được khấu trừ VAT hay không? Vì theo công văn của Cục hải quan thì xác nhận rằng DN đã nộp đủ thuế GTGT vào Ngân sách nhà nước (không phải nộp tạm hay nộp dư) và yêu cầu doanh nghiệp liên hệ cơ quan thuế địa phương để hướng dẫn thủ tục kê khai khấu trừ. Tuy nhiên, khi liên hệ cơ quan thuế địa phương- thuế Đà Nẵng thì quan điểm của Đà Nẵng thì lại xác định khoản tiền VAT đã nộp trong giai đoạn này là thuế nộp dư và yêu cầu làm đề nghị hoàn với hải quan. Vậy đâu là cách xử lý đúng?

Trả lời:

Cục Hải quan đã có công văn số 15415/CHQ-NVTHQ ngày 13/4/2026, số 18792/CHQ-NVTHQ ngày 13/7/2026 hướng dẫn Công ty TNHH kinh doanh miễn thuế Lotte Phú Khánh, Chi cục Hải quan khu vực XII về thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế. Đề nghị Công ty căn cứ các công văn nêu trên để thực hiện.

HỒ SƠ 42 / 62

Người nộp thuế: JM Mekong-58--42

Địa chỉ: Vĩnh Long

NỘI DUNG CÂU HỎI

Điều 26 NĐ 253/2026/NĐ-CP quy định Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động. Trường hợp không thể tách được phần làm thêm giờ vượt mức quy định trên bảng lương, doanh nghiệp nên làm thế nào?

Trả lời:

Về nội dung này, Cục Thuế trả lời như sau:

Tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định:

“Điều 26. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép

1. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.

Tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc, khoản tiền lương làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Bảng kê này được lưu tại tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan thuế. Trường hợp không lập bảng kê riêng, tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm chứng minh khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc thông qua bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động và các tài liệu hợp pháp khác".

Tại khoản 3, Điều 95 Bộ Luật lao động quy định:

"Điều 95. Trả lương ….3. Mỗi lần trả lương, người sử dụng lao động phải thông báo bảng kê trả lương cho người lao động, trong đó ghi rõ tiền lương, tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, nội dung và số tiền bị khấu trừ (nếu có)." Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty không lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc hoặc không chứng minh được khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc thông qua bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động và các tài liệu hợp pháp khác thì không đáp ứng điều kiện được miễn thuế TNCN.

Đề nghị Công ty căn cứ quy định nêu trên để thực hiện./.

HỒ SƠ 43 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH Ket vina-57--43

Địa chỉ: Lô CN5 Điềm Thụy Thái Nguyên

NỘI DUNG CÂU HỎI

1. Nội dung vụ việc: • Sản phẩm do Công ty VKET trực tiếp sản xuất tại Việt Nam và đã xuất khẩu sang đối tác KET Korea (Hàn Quốc) theo hợp đồng gia công. • Sau đó, VKET thực hiện mua lại chính sản phẩm này từ KET Korea và nhập khẩu quay trở lại Việt Nam theo loại hình A12 (Nhập kinh doanh sản xuất). • Về bản chất, sản phẩm có nguồn gốc/xuất xứ gốc từ Việt Nam. Tuy nhiên, trên hồ sơ thương mại: bên bán là KET Korea, luồng vận chuyển là Hàn Quốc về Việt Nam. Hiện tại, phía KET Korea không thể cung cấp C/O Form KV và VKET cũng không có chứng từ chứng minh xuất xứ theo VKFTA. 2. Nội dung xin ý kiến / hỏi: 1. Trường hợp sản phẩm do chính doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất, sau khi xuất khẩu nay nhập khẩu lại theo loại hình A12 thì có bắt buộc phải nộp thuế nhập khẩu như một lô hàng nhập khẩu mới thông thường từ nước ngoài hay không? 2. Do không có C/O Form KV từ phía đối tác Hàn Quốc, lô hàng này có hoàn toàn không đủ điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt VKFTA hay không? Có cơ chế hay quy định nào xem xét nguồn gốc sản xuất ban đầu tại Việt Nam để ưu đãi thuế cho trường hợp này không? 3. Cơ quan Hải quan sẽ áp dụng mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi thông thường (MFN) theo mã HS Code tại thời điểm đăng ký tờ khai A12 có đúng quy định hiện hành không? Rất mong nhận được phản hồi và hướng dẫn chi tiết từ Quý cơ quan/Chuyên gia để doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật. Xin trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Căn cứ Điều 2 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định đối tượng chịu thuế xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 quy định về đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 quy định về đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường .

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu trở lại sản phẩm của doanh nghiệp đã sản xuất và xuất khẩu theo loại hình A12 thì phải kê khai nộp các loại thuế (nếu có) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

HỒ SƠ 44 / 62

Người nộp thuế: TKG Taekwang Cần Thơ-54--44

Địa chỉ: Cần Thơ

NỘI DUNG CÂU HỎI

a. Quy định hiện hành - Khoản 1, Điều 4 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13:Quy định hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư và luật khác có liên quan. - Khoản 1, Điều 17 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13:Quy định đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT), cơ quan đăng ký đầu tư ghi nội dung ưu đãi đầu tư, căn cứ và điều kiện áp dụng ưu đãi tại GCNĐKĐT. - Khoản 11, Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP (bổ sung Điểm g Khoản 1 Điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP):Quy định ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho ngành da - giầy (tính đến ngày 01/01/2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật EU hoặc tương đương). Tại thời điểm năm 2015, Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/08/2011 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục này vẫn đang có hiệu lực pháp lý. - Khoản 2, Điều 5 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH13:Quy định cơ quan quản lý thuế phải thực hiện nhiệm vụ bảo đảm nguyên tắc "công khai, minh bạch, bình đẳng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế". b. Khó khăn, vướng mắc Thông tin hướng dẫn từ cơ quan thuế thiếu tính dự báo, gây ngộ nhận: - Tại Công văn hướng dẫn số 1875/CT-TTHT ngày 17/11/2015 của Cục Thuế TP. Cần Thơ (trả lời Sở KH&ĐT để phúc đáp cho nhà đầu tư trước khi thành lập pháp nhân), nội dung hướng dẫn về thuế TNDN đã khiến doanh nghiệp hiểu rằng Dự án nhà máy sản xuất bán thành phẩm/để giày của Taekwang mặc nhiên được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện Công nghiệp hỗ trợ. Nội dung này cũng được ghi nhận nhất quán tại Điều 2 GCNĐKĐT số 9888307788 do Ban quản lý các KCN cấp ngày 04/03/2016 và Công văn số 850/CT-TTHT ngày 24/02/2020 của Cục Thuế. Do đó, doanh nghiệp đã nghiêm túc kê khai ưu đãi giai đoạn 2019 - 2022. Cơ quan thuế sơ suất không cập nhật văn bản quy phạm pháp luật mới tại thời điểm hướng dẫn: - Khi ban hành Công văn số 1875/CT-TTHT ngày 17/11/2015, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ đã được ban hành (ngày 03/11/2015). Dù đến 01/01/2016 mới có hiệu lực, nhưng Cục Thuế hoàn toàn không đề cập hay lưu ý đến văn bản này trong hướng dẫn. Sự thiếu sót, không

minh bạch thông tin này của cơ quan thuế dẫn đến hệ lụy nặng nề là doanh nghiệp bất ngờ phát sinh số tiền thuế là hơn 310 tỷ đồng, gây tổn hại nghiêm trọng đến niềm tin và môi trường đầu tư. - Liên quan đến việc giải trình với Đoàn thanh tra Bộ Tài chính về việc hướng dẫn doanh nghiệp kể khai ưu đãi thuế, phía Cục Thuế TP. Cần Thơ đưa ra một văn bản gọi là Công văn số 492/CT-TTTH ngày 13/06/2016. Tuy nhiên, văn bản này hoàn toàn chưa từng được gửi đến cho doanh nghiệp chúng tôi qua đường văn thư theo quy định và phía công ty chưa từng nhận được bản gốc. Công văn này chỉ đột ngột "xuất hiện" vào tháng 7/2024 khi có sự kiện thanh tra và mới được cập nhật lên trang web của Cục Thuế Cần Thơ thời gian gần đây. Tại thời điểm công ty chúng tôi làm việc, giải trình với thanh tra BTC, Cục Thuế TP Cần Thơ" cũng không trình ra (chứng minh) được với Đoàn thanh tra Bộ Tài chính về công văn này. c. Kiến nghị Kiến nghị xem xét, tháo gỡ khó khăn triệt để về thủ tục và áp dụng chính sách ưu đãi thuế TNDN một cách nhất quán cho doanh nghiệp, không hồi tố xử phạt đối với những sai sót xuất phát từ sự hướng dẫn không đầy đủ của cơ quan thuế.

Trả lời:

Liên quan đến trường hợp vướng mắc của Công ty TNHH TKG Taekwang Cần Thơ, Thuế thành phố Cần Thơ đã có công văn số 492/CT-TTHT ngày 13/06/2016 trả lời Công ty là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bộ Tài chính đã có công văn số 12020/BTC-TCT ngày 5/11/2024 gửi UBND thành phố Cần Thơ và Cục Thuế đã có công văn số 5537/CT-CS ngày 25/11/2025 trả lời Công ty, nội dung cụ thể như sau:

Công văn số 12020/BTC-TCT ngày 5/11/2024 của Bộ Tài chính gửi UBND thành phố Cần Thơ: “Căn cứ các quy định nêu trên, Công ty TNHH TKG Taekwang Cần Thơ thành lập năm 2016 thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ là cơ sở để áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Do vậy, trường hợp Công ty TNHH TKG Taekwang chưa được Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì Công ty TNHH TKG Taekwang Cần Thơ không đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Đề nghị UBND thành phố Cần Thơ chỉ đạo Cục Thuế thành phố Cần Thơ tổ chức thực hiện các nội dung kiến nghị được nêu tại kết luận thanh tra số 70/KL-TTr ngày 28/7/2023 của Thanh tra Bộ Tài chính nêu trên”.

Công văn số 5537/CT-CS ngày 25/11/2025 của Cục Thuế trả lời Công ty TNHH TKG Taekwang Cần Thơ: “Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty TNHH TKG Taekwang Cần Thơ khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, Công ty phải nộp đủ số tiền thuế theo quy định. Việc xử lý vi phạm hành chính về thuế thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế.

Về nộp dần tiền thuế nợ, đề nghị Công ty căn cứ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về thuế, liên hệ với cơ quan quản lý thuế trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện theo quy định”.

Vấn đề vướng mắc của Công ty văn bản pháp luật đã có quy định cụ thể, do vậy đề nghị Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

HỒ SƠ 45 / 62

Người nộp thuế: Công ty Trách nhiệm hữu hạn LS Electric Việt Nam-53--45

Địa chỉ: Lô CN11-3 Khu công nghiệp Yên Phong khu mở rộng Xã Yên Trung Bắc Ninh

NỘI DUNG CÂU HỎI

2) Hiện nay, đối với một số mặt hàng thuộc diện kiểm tra chất lượng nhà nước theo phương thức quản lý rủi ro cao, doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn rất lớn về thời gian thử nghiệm thực tế. Ví dụ, đối với mặt hàng dây cáp điện, mặc dù thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước không kéo dài, nhưng toàn bộ quy trình từ đăng ký kiểm tra, đơn vị thử nghiệm lấy mẫu, thực hiện thử nghiệm đến khi có kết quả thường mất khoảng 3–4 tuần, trong khi chi phí thử nghiệm cũng khá cao. Trong bối cảnh doanh nghiệp phải cạnh tranh về tiến độ giao hàng, khoảng thời gian này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Xin cơ quan quản lý cho biết: - Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ có kế hoạch gì để nâng cao năng lực của các phòng thử nghiệm được chỉ định nhằm rút ngắn thời gian thử nghiệm? - Có định hướng mở rộng việc công nhận thêm các phòng thử nghiệm đủ năng lực hoặc thừa nhận nhiều hơn kết quả thử nghiệm của các tổ chức đánh giá sự phù hợp nhằm giảm tình trạng quá tải hiện nay không? - Nghị định 37/2026/NĐ-CP đã quy định cơ chế giảm kiểm tra đối với hàng hóa sau 03 lần kiểm tra đạt trong thời hạn 02 năm. Đây là một chính sách rất tích cực và doanh nghiệp rất đồng tình. Tuy nhiên, đến nay chúng tôi chưa có hướng dẫn cụ thể về điều kiện, thủ tục và cách thức áp dụng trên thực tế. Kính đề nghị cơ quan quản lý sớm ban hành hướng dẫn chi tiết để doanh nghiệp có thể tiếp cận và hưởng chính sách đúng như tinh thần cải cách của Nghị định.

Trả lời:

Đối với các nội dung vướng mắc liên quan đến Phòng thử nghiệm để thực hiện thử nghiệm mặt hàng dây cáp điện, đề nghị doanh nghiệp liên hệ Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đối với nội dung liên quan đến thực hiện cơ chế giảm kiểm tra đối với hàng hóa sau 03 lần kiểm tra đạt trong thời hạn 02 năm, theo quy định tại khoản 4 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, Bộ KHCN sẽ xây dựng Hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm hàng hóa để trao đổi, cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan thực hiện các quy định về cơ chế giảm kiểm tra. Trong thời gian chờ hệ thống, Bộ Tài chính đã có văn bản trao đổi, đề nghị Bộ KHCN xem xét giải pháp tổ chức thực hiện quy định này. Hiện Bộ Tài chính đang chờ phản hồi của Bộ KHCN.

HỒ SƠ 46 / 62

Người nộp thuế: WISO VIna-49--46

Địa chỉ: Bắc Ninh

NỘI DUNG CÂU HỎI

Công ty ký hợp đồng thi công với một doanh nghiệp từ năm 2023 và đã nhận tiền tạm ứng theo hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi khách hàng thông báo tạm dừng thực hiện dự án, đến nay hợp đồng vẫn chưa được triển khai, chưa nghiệm thu, bàn giao; đồng thời Công ty không thể liên hệ được với khách hàng để thống nhất việc tiếp tục thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, Công ty phải xử lý như thế nào đối với khoản tiền tạm ứng đã nhận; việc lập hóa đơn, kê khai thuế GTGT,

thuế TNDN và hạch toán kế toán được thực hiện ra sao? Đồng thời, pháp luật về thuế có quy định thời hạn tối đa đối với trường hợp hợp đồng đã nhận tiền tạm ứng nhưng kéo dài nhiều năm chưa thực hiện và không liên hệ được với khách hàng hay không? Nếu có, sau thời hạn đó Công ty phải thực hiện các thủ tục, nghĩa vụ về hóa đơn, kê khai thuế và xử lý khoản tiền tạm ứng như thế nào?

Trả lời:

Thuế tỉnh Bắc Ninh hướng dẫn Công ty như sau:

Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2022 quy định:

"Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."

Tại Điều 3 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ tài chính quy định:

“2. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

a) Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.

b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC.

c) Đối với hoạt động vận tải hàng không là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ vận chuyển cho người mua.

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật”.

Tại khoản 9 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về giá tính thuế:

"9. Đối với xây dựng, lắp đặt, là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế GTGT."

Tại điểm k khoản 3 Điều 3 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định thu nhập khác:

Mr Wick Kiểm toán

"k) Khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót phát hiện ra;"

Căn cứ quy định nêu trên, tại thời điểm Công ty nhận tiền tạm ứng theo hợp đồng thi công đã ký với khách hàng (năm 2023) thì Công ty chưa phải lập hóa đơn, chưa phải kê khai, tính thuế GTGT và thuế TNDN do chưa phải là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Đến thời điểm kết thúc nghĩa vụ phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, Công ty không liên hệ được với khách hàng để trả lại khoản tạm ứng nêu trên thì Công ty xác định vào thu nhập khác để kê khai, tính nộp thuế TNDN theo quy định của Pháp luật về Thuế TNDN tại năm tài chính phát sinh việc xử lý công nợ với khách hàng theo hợp đồng.

Việc hạch toán kế toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh và chứng từ kế toán, Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật về kế toán.

HỒ SƠ 47 / 62

Người nộp thuế: YJ STEEL VINA-50--47

Địa chỉ: Hải Phòng

NỘI DUNG CÂU HỎI

Tháng 4/2025, Bộ Công Thương Việt Nam (MOIT) đã ban hành Quyết định số 914/QĐ- BCT về việc áp dụng thuế chống bán phá giá đối với thép mạ kẽm có xuất xứ từ Hàn Quốc và Trung Quốc. Các mặt hàng thuộc phạm vi áp dụng bao gồm: - Nhóm HS CODE 7210: Thép mạ kẽm có chiều rộng từ 600mm trở lên - Nhóm HS CODE 7212: Thép mạ kẽm có chiều rộng dưới 600mm - Nhóm HS CODE 7225: Thép hợp kim (chiều rộng từ 600mm trở lên) - Nhóm HS CODE 7226: Thép hợp kim (chiều rộng dưới 600mm) Thông thường, sản phẩm có chiều rộng từ 600mm trở lên được phân loại là nguyên liệu dạng cuộn (COIL), còn sản phẩm dưới 600mm được phân loại là sản phẩm hoặc bán thành phẩm sau công đoạn xẻ băng (SKELP). Sản phẩm có liên quan trực tiếp đến công ty chúng tôi thuộc nhóm HS CODE 7212, với mặt hàng chủ lực là thép GA (Galvannealed). Trong giai đoạn đầu nhập khẩu, công ty chúng tôi đã thông qua công ty forwarding để thực hiện việc hỏi trước cơ quan hải quan Việt Nam về mã HS và đã nhận được phản hồi liên quan đến mã HS 7212.20.20 từ cơ quan hải quan vào ngày 27/04/2022. Sau đó, từ tháng 9/2022, trong quá trình nhập khẩu sản phẩm GA, theo yêu cầu của cơ quan hải quan, công ty chúng tôi đã thay đổi mã HS sang nhóm 7212.30 để thực hiện thủ tục thông quan và tiếp tục sử dụng mã này cho đến nay. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, việc thay đổi mã HS chỉ được hướng dẫn bằng trao đổi miệng mà không có công văn hoặc văn bản chính thức nào được ban hành. Sau khi biện pháp chống bán phá giá được áp dụng từ tháng 4/2025, sản phẩm thép GA mà công ty chúng tôi nhập khẩu cũng bị đưa vào đối tượng chịu thuế chống bán phá giá, dẫn đến phát sinh chi phí đáng kể. Tuy nhiên, sản phẩm thép GA mà công ty chúng tôi kinh doanh có đặc tính và mục đích sử dụng khác với thép GI thông thường. Thép GA là sản phẩm được xử lý hợp kim hóa sau quá trình mạ kẽm nhúng nóng, có khả năng chống ăn mòn vượt trội so với thép GI thông thường. Sản phẩm chủ yếu được sử dụng cho thép ô tô và các ngành công nghiệp yêu cầu vật liệu chức năng cao. Theo hiểu biết của chúng tôi, các doanh nghiệp thép tại Việt Nam hiện chủ yếu tập trung sản xuất thép GI dùng trong xây dựng, trong khi thép GA dùng cho ngành ô tô hiện gần như chưa được sản xuất hoặc năng lực sản xuất còn rất hạn chế tại Việt Nam. Mặc dù vậy, theo quy định hiện hành, các sản phẩm này vẫn bị áp dụng cùng một mức thuế chống bán phá giá mà chưa có sự phân biệt về đặc tính sản phẩm và thị trường sử dụng, dẫn đến gánh nặng chi phí thực tế cho doanh nghiệp. Ngoài ra,

công ty chúng tôi đã thực hiện thông quan liên tục theo mã HS được cơ quan hải quan hướng dẫn trước đây, tuy nhiên do không có văn bản chính thức nên hiện vẫn tồn tại những bất ổn liên quan đến việc phân loại mã HS và áp dụng thuế chống bán phá giá trong tương lai. - Đề xuất, kiến nghị: 1. Đề nghị xem xét miễn áp dụng thuế chống bán phá giá hoặc xây dựng tiêu chí riêng đối với các sản phẩm thép GA chức năng cao hiện chưa được sản xuất hoặc sản xuất rất hạn chế tại Việt Nam Đề nghị xây dựng cơ chế áp dụng thuế chống bán phá giá dựa trên việc xem xét tổng thể đặc tính thực tế của sản phẩm và khả năng thay thế trong ngành, thay vì chỉ căn cứ đơn thuần vào mã HS. 2. Đề nghị tăng cường văn bản hóa các phản hồi phân loại mã HS và hướng dẫn hành chính của cơ quan hải quan để doanh nghiệp có cơ sở khách quan chứng minh trong quá trình thực hiện thủ tục. 3. Đề nghị xem xét vận hành chính sách linh hoạt hơn nhằm đảm bảo ổn định chuỗi cung ứng nguyên vật liệu công nghiệp, đặc biệt đối với các loại thép chuyên dụng phục vụ ngành ô tô và công nghiệp chế tạo.

Trả lời:

1. Căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13:

“3. Bộ Công thương quyết định việc áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ.

4. Bộ Tài chính quy định việc kê khai, thu, nộp, hoàn trả thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ.”

Căn cứ Điều 67 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định về các biện pháp phòng vệ thương mại:

“1. Các biện pháp phòng vệ thương mại bao gồm biện pháp chống bán phá giá, biện pháp chống trợ cấp và biện pháp tự vệ do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam trong những trường hợp cụ thể.

...3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về bên liên quan trong vụ việc điều tra, hoạt động cung cấp, thu thập thông tin, tài liệu và bảo mật thông tin, tài liệu; tiếng nói, chữ viết trong quá trình điều tra; quản lý nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại; các trường hợp miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.”

Căn cứ quy định trên, việc áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại và các trường hợp miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương. Do đó, đề nghị doanh nghiệp liên hệ với Bộ Công Thương để được giải đáp.

2. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu xác định trước mã số hàng hóa thì có thể gửi hồ sơ yêu cầu tới Cục Hải quan. Các quy định về thủ tục xác định trước mã số hàng hóa được quy định tại:

- Điều 28 Luật Hải quan năm 2014 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định.

Căn Điều 7 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 và Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Do nội dung câu hỏi “đề nghị xem xét vận hành chính sách linh hoạt hơn”, ko rõ nội dung chính sách nào nên Cục Hải quan không có cơ sở để trả lời.

HỒ SƠ 48 / 62

Người nộp thuế: KANG NAM VINA CO LTD-48--48

Địa chỉ: Số 1B30 Đường 24 Phường Bình Trưng Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

Mô hình hoạt động: Đại lý bán đúng giá, hưởng hoa hồng. Vai trò của KNE: - Thay mặt nhà cung cấp Hàn Quốc nhập hàng về Việt Nam. - Bán buôn và bán lẻ cho khách hàng - Quản lý hàng tồn kho và báo cáo lại cho phía Hàn Quốc. - Báo cáo định kỳ doanh thu cho nhà cung cấp. - KNE chuyển tiền về cho nhà cung cấp Hàn Quốc sau khi trừ lại 10% hoa hồng. Trong trường hợp này KNE không phải là chủ sở hữu của hàng hóa nhập về. Vậy cần kê khai thủ tục hải quan như thế nào để cơ quan hải quan, cơ quan thuế hiểu đây là KNE hàng nhập hộ và bán trong nước, không sở hữu hàng hóa này?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Thương mại thì hoạt động đưa hàng hóa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài là hoạt động nhập khẩu hàng hóa.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Luật quản lý ngoại thương thì:

“2. Quyền tự do kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu đối với thương nhân Việt Nam là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện như sau:

...

c) Thực hiện quyền nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam để bán cho thương nhân có quyền phân phối hàng hóa đó tại Việt Nam dưới hình thức đứng tên trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu để thực hiện và chịu trách nhiệm về các thủ tục liên quan đến nhập khẩu. Quyền nhập khẩu không bao gồm quyền tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại Việt Nam.

3. Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thuộc các nước, vùng lãnh thổ (sau đây gọi chung là nước) là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới và các nước có thỏa thuận song phương với Việt Nam có quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

Đề nghị doanh nghiệp xác định đơn vị nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 5 Luật Quản lý ngoại thương nêu trên để thực hiện. Việc khai hải quan thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC.

Về người khai hải quan, đề nghị Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh tại Việt Nam thì có thể trực tiếp thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp doanh nghiệp là thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thì thực hiện đăng ký quyền nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật quản lý

ngoại thương; việc khai hải quan được thực hiện thông qua đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định dẫn trên.

HỒ SƠ 49 / 62

Người nộp thuế: YG vina-47--49

Địa chỉ: Ninh Bình

NỘI DUNG CÂU HỎI

Trường hợp công ty thuê nhà của cá nhân là văn phòng, xin hỏi: 1. Về việc chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn Công ty ký hợp đồng thuê nhà của cá nhân có thời hạn 05 năm (từ 12/2025 đến t11/2030) và đã khai thuế thay cho cá nhân theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC theo kỳ thanh toán từ tháng 12/2025 - 3/2026 và từ t4-7/2026. Tuy nhiên, đến tháng 8/2026 Công ty sẽ chấm dứt việc thuê nhà trước thời hạn. Trong trường hợp này, Công ty có phải điều chỉnh, khai bổ sung hồ sơ khai thuế đã nộp để cập nhật thời điểm chấm dứt hợp đồng là tháng 8/2026 hay không? Hồ sơ, thủ tục Công ty cần thực hiện để thông báo, chứng minh việc chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn với cơ quan thuế là gì? 2. Về việc áp dụng ngưỡng doanh thu miễn thuế từ năm 2026 Đối với hợp đồng nêu trên, thời điểm kê khai từ tháng 12/2025 chưa được áp dụng ngưỡng doanh thu miễn thuế 01 tỷ đồng/năm; tuy nhiên, từ ngày 01/01/2026 chính sách này được áp dụng. Đối với hồ sơ khai thuế đã nộp cho kỳ thanh toán từ tháng 12/2025 đến tháng 3/2026, Công ty có phải khai bổ sung, điều chỉnh để áp dụng ngưỡng doanh thu miễn thuế đối với phần doanh thu phát sinh từ tháng 01/2026 đến tháng 3/2026 hay không? Nếu có thì thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trường hợp Công ty ký hợp đồng thuê nhà của cá nhân có thời hạn 05 năm (từ 12/2025 đến t11/2030) và đã khai thuế thay cho cá nhân theo ky thanh toán từ tháng 12/2025 - 3/2026 và từ tháng 4-7/2026. Đến tháng 8/2026 Công ty sẽ chấm dứt việc thuê nhà trước thời hạn thì Công ty không phải thực hiện khai bổ sung cho các hồ sơ khai thuế đã nộp.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP, khoản 1 Điều 8 Thông tư số 18/2026/TT-BTC, đối với các hợp đồng cho thuê bất động sản phát sinh trước thời điểm ngày 01/01/2026 và thời hạn còn lại của hợp đồng trên 6 tháng nếu đã nộp thuế GTGT, thuế TNCN thì được điều chỉnh mức doanh thu không chịu thuế GTGT, mức doanh thu không chịu thuế TNCN theo quy định.

HỒ SƠ 50 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH KINH DOANH MIỄN THUẾ LOTTE PHÚ KHÁNH-44--50

Địa chỉ: Tầng 11 - 12 Indochina Riverside Tower 74 Bạch Đằng Phường Hải Châu TP Đà Nẵng Việt Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

Trong thời gian vừa qua, khi chưa có sự hướng dẫn thống nhất trong toàn ngành, căn cứ Công văn số 16770/CHQ-NVTHQ ngày 29/7/2025 của Cục Hải quan, theo đó xác định hàng hóa nhập khẩu đưa vào

cửa hàng miễn thuế thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Vì vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2025 cho đến ngày 30/9/2025, Hải quan Cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng đã hướng dẫn cho Công ty kê khai, khai bổ sung, nộp thuế GTGT và tiền chậm nộp đối với các tờ khai phát sinh từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/9/2025. Thực hiện hướng dẫn trên, chúng tôi đã nộp vào tài khoản của cơ quan Hải quan số tiền thuế GTGT là: 21.438.140.727 VND, tiền chậm nộp là: 207.576.845 VND, tổng cộng là 21.645.717.572 VND. Tuy nhiên, Công văn số 26765/CHQ-NVTHQ ngày 30/9/2025 của Cục Hải quan được ban hành sau đó đã xác định hàng hóa nhập khẩu đưa vào cửa hàng miễn thuế được xác định là hàng tạm nhập - tái xuất và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã khai mã loại hình tờ khai là A44 để thông quan hàng hóa và không phải kê khai, nộp thuế GTGT kể từ sau ngày 30/9/2025. Cũng theo cơ sở này, Công ty đã gửi Công văn số 549/2025/LPK-CV ngày 10/11/2025 cho Chi cục Hải quan Khu vực XII và Hải quan Cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng để đề nghị hoàn trả khoản tiền nộp thừa 21.645.717.572 VND nêu trên. Sau đó, chúng tôi có nhận được công văn hướng dẫn của hải quan CC 12: liên hệ cơ quan thuế để thực hiện hoàn, tiếp đó, Chúng tôi liên hệ cơ quan thuế để triển khai, tuy nhiên, cơ quan Thuế (chi cục Thuế Đà Nẵng) trả lời và hướng dẫn chúng tôi: liên hệ cơ quan hải quan - nơi thực thu số tiền thuế này để thực hiện hoàn. Hiện tại, hai cơ quan Thuế và Hải quan chưa có câu trả lời chính xác cho chúng tôi về việc cơ quan nào phụ trách hướng dẫn thủ tục hoàn thuế này. Kính mong nhận được câu trả lời và giải quyết vướng mắc cho DN

Trả lời:

Cục Hải quan đã có công văn số 15415/CHQ-NVTHQ ngày 13/4/2026, số 18792/CHQ-NVTHQ ngày 13/7/2026 hướng dẫn Công ty TNHH kinh doanh miễn thuế Lotte Phú Khánh, Chi cục Hải quan khu vực XII về thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế. Đề nghị Công ty căn cứ các công văn nêu trên để thực hiện.

HỒ SƠ 51 / 62

Người nộp thuế: JM Mekong-43--51

Địa chỉ: Vĩnh Long

NỘI DUNG CÂU HỎI

Điều 50 NĐ 253/2026/NĐ-CP quy định khấu trừ thuế TNCN 10% trường hợp NLĐ đã chấm dứt HĐLĐ. Ví dụ NLĐ nghỉ việc cuối tháng 6, đến giữa tháng 7 công ty mới chi trả phần thu nhập tháng 6 =11 triệu (bao gồm 10 triệu lương cơ bản + 1 triệu tăng ca). Trường hợp này công ty có phải khấu trừ 10% không, nếu có thì và khấu trừ trên mức thu nhập 10 hay 11 triệu?

Trả lời:

Do thông tin chưa đầy đủ. Về nguyên tắc, Cục Thuế trả lời như sau:

Tại khoản 2 Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 quy định:

“Điều 3. Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân gồm các loại thu nhập sau đây, trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật này:

...2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công;

b) Tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức;

c) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác trừ các khoản: phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực theo quy định của pháp luật; phụ cấp, trợ cấp, sinh hoạt phí do cơ quan Việt Nam ở nước ngoài chi trả; trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, trợ cấp tuất hàng tháng và các khoản trợ cấp khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm; trợ cấp mang tính chất bảo trợ xã hội và các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác không mang tính chất tiền lương, tiền công do Chính phủ quy định".

Tại khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định:

"1. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.

....3. Trường hợp tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép vượt mức quy định của pháp luật thì phần vượt mức quy định tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân"

Tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định:

"2. Tổ chức, cá nhân trả tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng (bao gồm cả trường hợp trả tiền lương, thu nhập khác cho người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động) mà mức chi trả thu nhập từ 05 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả thu nhập cho cá nhân. Trường hợp mức chi trả thu nhập dưới 05 triệu đồng/lần thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% khi cá nhân có yêu cầu."

Đề nghị Công ty căn cứ quy định nêu trên và điều kiện thực tế đáp ứng, liên hệ cơ quan quản lý trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định.

Mr Wick kiểm toán

HỒ SƠ 52 / 62

Người nộp thuế: Speed Việt Nam-40--52

Địa chỉ: Thái Nguyên

NỘI DUNG CÂU HỎI

DN EPE xin huỷ số lượng nguyên liệu đưa vào kiểm tra chất lượng IQC đầu vào, khi huỷ DN làm thủ tục như thế nào và có phải nộp lại thuế không?

Trả lời:

1. Về thủ tục tiêu hủy:

Khoản 6 Điều 75 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 51 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và khoản 46 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định:

“6. Đối với tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm; máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm của DNCX thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 64 Thông tư này.”

Điểm d khoản 3 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 42 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC và khoản 36 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định:

“Thủ tục tiêu huỷ nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm; máy móc, thiết bị; phế liệu, phế phẩm:

d.1) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân:

d.1.1) Trước khi tiêu hủy, tổ chức, cá nhân gửi thông báo việc tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm; máy móc, thiết bị; phế liệu, phế phẩm theo mẫu số 22a Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này thông qua Hệ thống hoặc theo mẫu số 18b/THHH/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này cho cơ quan hải quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều 60 Thông tư này trong trường hợp Hệ thống chưa đáp ứng hoặc gặp sự cố;

d.1.2) Sửa đổi, bổ sung thông tin đã thông báo cho cơ quan hải quan trong trường hợp phát hiện có sai sót hoặc theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

d.1.3) Bàn giao hàng hoá tiêu huỷ cho đơn vị có chức năng xử lý, tiêu huỷ theo quy định của pháp luật về môi trường; chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d.1.4) Trường hợp hàng hoá tiêu huỷ không thuộc đối tượng phải giám sát trực tiếp của cơ quan hải quan thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc tiêu hủy, tổ chức, cá nhân gửi 01 bản chụp chứng từ chứng minh hoàn thành việc tiêu hủy có xác nhận của các bên liên quan cho cơ quan hải quan tiếp nhận báo cáo quyết toán được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 60 Thông tư này;

d.1.5) Lưu giữ hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp; giấy phép môi trường của doanh nghiệp thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; chứng từ chứng minh hàng hoá được phép tiêu huỷ như quyết định thanh lý tài sản, văn bản đồng ý tiêu huỷ của bên thuê gia công, chứng từ liên quan khác và xuất trình cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu.”

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất tiêu hủy nguyên liệu thì thực hiện theo quy định nêu trên.

2. Về chính sách thuế

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 Luật Thuế xuất khẩu thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan.

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định: "Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu"

Căn cứ Điều 3, Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15

Căn cứ Điều 28a Nghị định số 134/2016/QH13 ngày 01/9/2016 được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ quy định điều kiện, kiểm tra, giám sát hải quan và áp dụng chính sách thuế đối với DNCX là khu phi thuế quan.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp chế xuất đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Điều 28a Nghị định số 134/2016/QH13 được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP thì hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế GTGT.

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất thực hiện tiêu hủy nguyên liệu và đáp ứng các điều kiện về tiêu hủy thì chính sách thuế thực hiện theo quy định nêu trên.

Đề nghị doanh nghiệp căn cứ vào các quy định dẫn trên và thực tế cụ thể hàng hóa để thực hiện.

HỒ SƠ 53 / 62

Người nộp thuế: WOOJEON VINA-38--53

Địa chỉ: Bắc Ninh

NỘI DUNG CÂU HỎI

1. Doanh nghiệp thường gặp tình trạng hệ thống VNACCS phản hồi chậm vào cuối tháng hoặc ngoài giờ hành chính, ảnh hưởng tiến độ xuất – nhập hàng. Cơ quan Hải quan có giải pháp hỗ trợ ổn định hệ thống trong thời gian tới hay không? 2. Đối với các lỗi khai báo nhỏ như: sai trọng lượng, sai invoice, sai model doanh nghiệp hiện gặp khó khăn khi sửa tờ khai sau thông quan. Đề nghị hướng

dẫn cơ chế xử lý đơn giản hơn đối với các lỗi không ảnh hưởng chính sách thuế. 3. Hiện nay, yêu cầu hồ sơ giữa các chi cục còn khác nhau đối với cùng một loại hàng hóa. Cơ quan Hải quan có thể ban hành hướng dẫn thống nhất để doanh nghiệp thuận tiện thực hiện không? 4. Một số mặt hàng linh kiện điện tử/bán thành phẩm có cách phân loại mã HS khác nhau giữa doanh nghiệp và cơ quan Hải quan, trong trường hợp cơ quan Hải quan thay đổi quan điểm phân loại mã HS sau thông quan, doanh nghiệp có được áp dụng hồi tố đối với các tờ khai cũ hay không? 5. Vướng mắc về kiểm tra chuyên ngành, thời gian kiểm tra kéo dài ảnh hưởng đến leadtime sản xuất (hàng cần: kiểm định, kiểm tra chất lượng, xin C/O, ...).

Trả lời:

1. Cục Hải quan đã kiểm tra, hệ thống VNACCS/VCIS hiện tại vẫn đang hoạt động liên tục, ổn định, đáp ứng việc đăng ký tờ khai xuất nhập khẩu (trung bình 65.000 tờ khai/ngày).

Đối với phản ánh của doanh nghiệp thường gặp tình trạng hệ thống VNACCS phản hồi chậm vào cuối tháng hoặc ngoài giờ hành chính: Cục Hải quan ghi nhận ý kiến này của doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng này có thể đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau như tốc độ xử lý của phần mềm phía doanh nghiệp, tình trạng và tốc độ đường truyền kết nối từ doanh nghiệp - Hải quan qua môi trường internet tại thời điểm xử lý tờ khai... Trong trường hợp doanh nghiệp gặp vướng mắc liên quan đến hệ thống, đề nghị doanh nghiệp liên hệ với Bộ phận hỗ trợ (BPHT) theo số điện thoại 19009299 (nhánh 2) hoặc gửi email tới địa chỉ Bophanhotro@customs.gov.vn để được hỗ trợ xử lý kịp thời

2. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Thông tư 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính thì trừ các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan không được khai bổ sung theo quy định quy định, trừ nội dung khai bổ sung liên quan đến giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra chuyên ngành về chất lượng hàng hóa, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung sau thông quan trong các trường hợp sau:

- Người khai hải quan, người nộp thuế xác định có sai sót trong việc khai hải quan thì được khai bổ sung hồ sơ hải quan trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan;

- Quá thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan hoặc sau khi cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, người khai hải quan, người nộp thuế mới phát hiện sai sót trong việc khai hải quan thì thực hiện khai bổ sung và bị xử lý theo quy định của pháp luật (nếu có).

Ngoài ra, đối với hàng hóa có chênh lệch khối lượng giữa cân nặng khai trên tờ khai hải quan so với cân nặng trên phiếu cân của Cảng hàng không khi xuất khẩu, Cục Hải quan đã có công văn số 6121/TCHQ-GSQL ngày 18/10/2018 hướng dẫn cụ thể:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 52a Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC, hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát sẽ được đưa vào kho hàng không. Trường hợp có chênh lệch về trọng lượng, doanh nghiệp kinh doanh kho hàng cập nhật thông tin trọng lượng thực tế vào hệ thống và gửi đến cho cơ quan hải quan, hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu theo quy định, trừ trường hợp lô hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì cơ quan hải quan dừng hàng qua khu vực giám sát theo quy định. Người khai hải quan không phải khai bổ sung với cơ quan hải quan đối với trường hợp chênh lệch trọng lượng nhưng không ảnh hưởng đến số lượng hàng hóa xuất khẩu, chính sách thuế và chính sách mặt hàng.

Đề nghị Công ty căn cứ thực tế hàng hóa đối chiếu với các quy định và hướng dẫn nêu trên để thực hiện.

3. Đối với yêu cầu hồ sơ giữa các chi cục còn khác nhau đối với cùng một loại hàng hóa, đề nghị doanh nghiệp chỉ rõ nội dung chưa thống nhất giữa các Chi cục hải quan để Cục Hải quan có cơ sở kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện thống nhất.

4. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan năm 2014 quy định

"2. Người khai hải quan là chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải có nghĩa vụ:

a) Khai hải quan và làm thủ tục hải quan theo quy định của Luật này;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin để cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;"

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Luật Hải quan năm 2014 quy định:

"1. Phân loại hàng hoá để xác định mã số hàng hóa làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa. Khi phân loại hàng hóa phải căn cứ hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để xác định tên gọi, mã số của hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam."

Căn cứ Điều 6 Thông tư 14/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định:

"Điều 6. Phân loại, áp dụng mức thuế đối với một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp thực hiện phân loại hàng hóa theo quy định tại Điều 4 Thông tư này nhưng chưa xác định được mã số duy nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì sử dụng các tài liệu sau:

a) Chú giải chi tiết Danh mục HS;

b) Tuyển tập ý kiến phân loại của WCO;

c) Chú giải bổ sung Danh mục AHTN;

d) Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Trường hợp có sự khác biệt về mô tả hàng hóa tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và mô tả hàng hóa theo Danh mục HS thì áp dụng trực tiếp mô tả hàng hóa theo Danh mục HS để hướng dẫn phân loại và xử lý khiếu nại theo nguyên tắc áp dụng quy định của Điều ước quốc tế.

Tổng cục Hải quan thực hiện công khai các tài liệu ở khoản 1, khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

3. Trường hợp có ý kiến khác nhau về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế khi áp dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, tiêu chuẩn chuyên ngành, Bộ Tài chính thống nhất với các Bộ quản lý chuyên ngành liên quan để xử lý.

4. Trường hợp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan hữu quan khác ban hành văn bản sửa đổi, hướng dẫn phân loại, làm ảnh hưởng tới quá trình khai báo hải quan về mã số, mức thuế và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của người khai hải quan, người nộp thuế thì thực hiện phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế kể từ ngày văn bản sửa đổi hướng dẫn phân loại có hiệu lực pháp luật theo quy định."

Như vậy, doanh nghiệp thực hiện khai báo mô tả, mã số HS của hàng hóa khi làm thủ tục hải quan và chịu trách nhiệm về sự xác thực của nội dung đã khai báo. Việc phân loại hàng hóa phải căn cứ hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Việc phân loại, áp dụng mức thuế đối với một số trường hợp đặc biệt hực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 14/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

5. Vướng mắc về kiểm tra chuyên ngành

Liên quan đến hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, trong thời gian qua, cơ quan hải quan rất tích cực rà soát, kiến nghị các Bộ quản lý chuyên ngành triển khai các giải pháp nhằm cải cách công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hướng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm thời gian thông quan hàng hoá, xử lý chồng chéo trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành.

Ngoài ra, hiện nay, cơ quan hải quan đang xây dựng Đề án thống nhất cơ quan hải quan chủ trì thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với người, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu nhằm tiếp tục cải cách và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra chuyên ngành, giảm thời gian thông quan hàng hoá.

HỒ SƠ 54 / 62

Người nộp thuế: Phoenix Tech VN Cong ty-37--54

Địa chỉ: Lô số CN-16 Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH MTV SJ Tech Việt Nam Khu công nghiệp Vân Trung

NỘI DUNG CÂU HỎI

Tôi xin gửi tới Hội nghị câu hỏi như sau: Công ty tôi nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài, tại thời điểm mở tờ khai thì chưa có CO nên tạm thời nộp thuế NK và thuế GTGT hàng NK. Khi có CO chúng tôi truyền tờ khai AMA và sau đó làm thủ tục hoàn thuế NK và thuế GTGT tương ứng bên Hải quan. Nhưng bây giờ bên hải quan chỉ cho chúng tôi hoàn thuế NK, còn thuế GTGT tương ứng với số thuế NK thì không cho hoàn mà yêu cầu chúng tôi kê khai và hoàn thuế với cơ quan thuế. Vậy tôi xin hỏi chúng tôi có được kê khai khấu trừ số tiền thuế GTGT tương ứng với phần thuế NK đó không? Nếu công ty đủ điều kiện hoàn thuế thì có được hoàn phần thuế này không? Rất mong sự hồi đáp của Hội nghị! Xin cảm ơn

Trả lời:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 15 Luật Quản lý thuế quy định:

"1. Số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa là số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp.

2. ...Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế giá trị gia tăng nộp thừa khi nhập khẩu hàng hóa và đã thực hiện kê khai khấu trừ số tiền thuế nộp thừa với cơ quan thuế thì việc xử lý số tiền thuế đã khấu trừ, nộp thừa thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính."

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính quy định:"2. Xử lý tiền thuế giá trị gia tăng nộp thừa đối với hàng hóa nhập khẩu

a) Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế giá trị gia tăng nộp thừa khi nhập khẩu hàng hóa và đã thực hiện kê khai khấu trừ số tiền thuế nộp thừa với cơ quan thuế, người nộp thuế có trách nhiệm kê khai điều chỉnh số tiền thuế giá trị gia tăng đã được cơ quan hải quan hoàn với cơ quan thuế nơi quản lý người nộp thuế;

b) Cơ quan hải quan ban hành quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng nộp thừa đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này, gửi quyết định hoàn thuế cho cơ quan thuế quản lý người nộp thuế để cơ quan thuế làm cơ sở đối chiếu và thu hồi số thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ hoặc đã hoàn thuế (nếu có)."

Đề nghị Công ty nghiên cứu quy định nêu trên và liên hệ với cơ quan nơi đăng ký tờ khai để được hướng dẫn thực hiện.

HỒ SƠ 55 / 62

Người nộp thuế: Tham tán Hải quan Tổng Lãnh sự quán Hàn Quốc tại TPHCM-32--55

Địa chỉ: 107 Nguyen Du St Ben Thanh Ward HCMC

NỘI DUNG CÂU HỎI

Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam sau đó xuất khẩu nhưng vì nhiều lý do khiến hàng hóa đó bị trả lại, dẫn đến việc tái nhập khẩu vào Việt Nam. Trong trường hợp này, theo Thông tư trên thì từ 1/7/2025, tất cả giao dịch tái nhập đều bị áp dụng thuế giá trị gia tăng. (Trước đây, trường hợp này được miễn thuế theo Nghị định 209/2013/NĐ-CP). Trong trường hợp giao dịch trả hàng do khiếu nại (áp dụng mã loại hình A31), do quyền sở hữu hàng hóa được chuyển lại cho bên xuất khẩu ban đầu nên khi bên xuất khẩu ban đầu tái nhập hàng hóa vào Việt Nam thì việc áp dụng thu thuế giá trị gia tăng là phù hợp. Tuy nhiên, đối với giao dịch trả hàng kèm điều kiện tái xuất (áp dụng mã loại hình G13), quyền sở hữu hàng hóa không được chuyển giao. Hàng hóa chỉ đơn thuần được tạm nhập với mục đích sửa chữa, khắc phục khiếm khuyết. Nói cách khác, trong trường hợp giao dịch trả hàng kèm theo điều kiện tái xuất, có thể coi đây là việc nhập khẩu hàng hóa trên cơ sở là hàng hóa sẽ được tái xuất ra nước ngoài sau đó. Xét đến tính trung lập của thuế GTGT và nguyên tắc áp dụng thuế tại nơi tiêu dùng, tôi xin kiến nghị Bộ Tài chính vận hành cơ chế theo hướng miễn thu thuế GTGT tại thời điểm nhập khẩu đối với các giao dịch dự kiến sẽ được tái xuất, chẳng hạn như trường hợp áp dụng mã loại hình G13. Nếu sau đó phát hiện hàng hóa không được tái xuất hoặc đã được sử dụng vào mục đích khác thì thực hiện truy thu thuế.

Trả lời:

Ngày 23/7/2026 Cục Hải quan có công văn số 19280/CHQ-NVTHQ hướng dẫn các Chi cục Hải quan khu vực về chính sách thuế GTGT hàng hóa tạm nhập tái xuất, theo đó:

1. Về thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định:

“Điều 29. Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hoá

1. Tạm nhập, tái xuất hàng hóa là việc hàng hoá được đưa từ nước ngoài hoặc từ các khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật vào Việt Nam, có làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và làm thủ tục xuất khẩu chính hàng hoá đó ra khỏi Việt Nam.”

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định:

“Điều 48. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu

1. Các loại hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu bao gồm:

a) Phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa;

b) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;

c) Máy móc, thiết bị, phương tiện thi công, khuôn, mẫu theo các hợp đồng thuê, mượn để sản xuất, thi công;

d) Linh kiện, phụ tùng của chủ tàu nhập khẩu để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;

đ) Hàng hóa tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

e) Hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định:

“Điều 41. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác

1. Trừ trường hợp kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại Điều 39 của Luật này, thương nhân được tạm nhập vào Việt Nam hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa không thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo hợp đồng với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam.”

Căn cứ khoản 28 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 50 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định:

“Điều 50. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất

1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm:

a) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm;

b) Tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng;

c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;

d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;

e) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế;

g) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác.”

Căn cứ khoản 25 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 47 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 15 Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương quy định:

“Điều 15. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác

1. Trừ trường hợp hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, thương nhân được tạm nhập hàng hóa vào Việt Nam theo hợp đồng ký với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam theo các quy định sau:...
2. Thương nhân được tạm nhập hàng hóa mà thương nhân đã xuất khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài và tái xuất khẩu trả lại thương nhân nước ngoài. Thủ tục tạm nhập, tái xuất thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất...".

Căn cứ các quy định trên, trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu nhưng được tái nhập khẩu vào Việt Nam để sửa chữa, tái chế, bảo hành hoặc xử lý theo quy định pháp luật về hải quan được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Về chính sách thuế GTGT

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về đối tượng chịu thuế GTGT đối với: "Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.".

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với: "Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào."

Căn cứ khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 12 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ quy định hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Căn cứ Khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định: "Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số".

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với "1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Trong đó, các sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường là các sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay xát, xay vỡ mảnh, nghiền vỡ mảnh, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, xay, đánh bóng hạt, hồ hạt, chia tách ra từng phần, bỏ xương, băm, lột da, nghiền, cán mỏng, ướp muối, đóng hộp kín khí, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.

Trường hợp không xác định được thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm căn cứ vào quy trình sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt do người nộp thuế cung cấp để xác định là sản phẩm chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu theo quy định của pháp luật.".

Căn cứ quy định nêu trên, hàng hóa nhập khẩu sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng tại Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, trừ trường hợp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15. Đối với hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị nước ngoài trả lại:

(i) Trường hợp hàng hóa tái nhập theo hình thức tạm nhập – tái xuất đáp ứng quy định về pháp luật hải quan, pháp luật thương mại, pháp luật về quản lý ngoại thương và thuộc trường hợp quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, khoản 12 Điều 4 Nghị định 181/2025/NĐ-CP thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

(ii) Trường hợp hàng hóa tái nhập không thuộc trường hợp tạm nhập – tái xuất thì thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định pháp luật về thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

(iii) Đối với hàng hóa là sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 149/2025/QH15 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

HỒ SƠ 56 / 62

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH HIMARU BẾN TRE-24b-56

Địa chỉ: KCN Giao Long Xã An Phước Tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG CÂU HỎI

Điều kiện hoàn thuế GTGT đối với DN gia công hàng xuất khẩu có thay đổi chính sách mới hay không?

Trả lời:

Chính sách thuế về điều kiện hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp gia công hàng xuất khẩu tại Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành không thay đổi so với các quy định trước đây. Đề nghị doanh nghiệp nghiên cứu các quy định tại Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 359/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ) để thực hiện.

HỒ SƠ 57 / 62

Người nộp thuế: TKG Taekwang Bình Phước-19b-57

Địa chỉ: Đồng Nai

NỘI DUNG CÂU HỎI

a. Quy định hiện hành Ngày 14 tháng 7 năm 2025, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định số 205/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là “Nghị định 205”) nhằm sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ (sau đây gọi là “Nghị định 111”). Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2025. Bên cạnh đó, thông qua việc sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp gần đây, Chính phủ Việt Nam cũng đã mở rộng phạm vi áp

dụng các ưu đãi thuế đối với ngành công nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng và vật liệu – là ngành được khuyến khích phát triển. Qua đó cho thấy các chính sách liên quan đang tiếp tục được hoàn thiện và tăng cường. b. Khó khăn, vướng mắc Theo quy định tại Nghị định 205, các dự án đáp ứng một số điều kiện nhất định sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi. Trong đó, một trong các điều kiện được quy định như sau: "Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu (CEN) hoặc tiêu chuẩn tương đương" Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp đang gặp phải một số khó khăn thực tế như sau: Thứ nhất, không tồn tại "chứng chỉ CEN" trên thực tế Ủy ban Tiêu chuẩn hóa châu Âu (CEN) là tổ chức ban hành các tiêu chuẩn châu Âu (EN), chứ không phải là cơ quan cấp chứng nhận sản phẩm. Do đó, trên thị trường không tồn tại một loại "chứng chỉ CEN" thống nhất. Điều này dẫn đến việc doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xác định loại chứng nhận nào được coi là đáp ứng yêu cầu nêu trên, từ đó gây lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch và chuẩn bị hồ sơ chứng nhận. Thứ hai, phạm vi "chứng nhận tương đương" chưa rõ ràng Hiện nay, chưa có hướng dẫn cụ thể về phạm vi và tiêu chí xác định "chứng nhận tương đương", dẫn đến các vấn đề sau: + Có khả năng phát sinh cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa các địa phương và cơ quan thẩm định + Doanh nghiệp có cùng trình độ công nghệ nhưng có thể nhận được kết quả xét duyệt khác nhau, gây ra sự thiếu nhất quán và tính không chắc chắn trong quá trình thực hiện c. Kiến nghị cải thiện (1) Làm rõ phạm vi "chứng nhận tương đương" Chúng tôi kính đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét chính thức công nhận các loại chứng nhận sau đây là "tương đương với tiêu chuẩn CEN" • Dấu CE (CE Marking – Tuyên bố phù hợp của EU) • Các chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO / IEC • Báo cáo thử nghiệm theo tiêu chuẩn EN do các tổ chức thử nghiệm được công nhận cấp (SGS, TÜV, Bureau Veritas, v.v.) Việc làm rõ này sẽ giúp doanh nghiệp xác định rõ định hướng chuẩn bị chứng nhận, đồng thời góp phần đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng hành chính và hạn chế sự khác biệt trong cách hiểu giữa các địa phương. (2) Công nhận báo cáo thử nghiệm thay thế chứng nhận Chúng tôi kính đề nghị xem xét công nhận báo cáo thử nghiệm theo tiêu chuẩn EN như là tài liệu tương đương hoặc thay thế cho chứng nhận chính thức. Việc này sẽ mang lại các lợi ích thiết thực như: • Giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp • Đơn giản hóa thủ tục hành chính • Nâng cao khả năng tiếp cận chính sách đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ Đồng thời, cũng góp phần nâng cao hiệu quả thực thi chính sách trong thực tế. Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy rằng nếu không được hướng dẫn rõ ràng, điều kiện này có thể vô hình chung trở thành rào cản hạn chế sự tham gia của doanh nghiệp, thay vì đạt được mục tiêu khuyến khích phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ theo chính sách. Do đó, việc điều chỉnh theo hướng phù hợp với điều kiện thực tiễn là rất cần thiết.

Trả lời:

- Tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ quy định:

"9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Đối tượng, điều kiện và trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận ưu đãi

1. Đối tượng ưu đãi:

Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tại Phụ lục I hoặc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Điều kiện được hưởng ưu đãi:

Dự án được xem xét xác nhận hưởng ưu đãi khi đáp ứng các điều kiện sau:

Sản phẩm của Dự án thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tại Phụ lục I hoặc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này phải có Giấy

chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương;

Dây chuyền công nghệ, hệ thống máy móc, thiết bị của dự án phù hợp để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trải qua các công đoạn sản xuất phù hợp với thiết kế của dây chuyền công nghệ và quy trình sản xuất bao gồm các công đoạn (cơ khí, điện hóa, hóa, nhiệt điện,...) của dự án đảm bảo có sự biến đổi vật lý hoặc cơ học từ nguyên liệu, vật liệu, các chất liệu khác nhau để tạo thành sản phẩm;

Dự án đủ điều kiện đi vào hoạt động sản xuất;

Dự án có ít nhất 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp sản xuất và cung ứng nguyên liệu, vật liệu hoặc linh kiện, phụ tùng chính để phục vụ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đề nghị xác nhận ưu đãi.

3. Hồ sơ cấp Giấy xác nhận ưu đãi:

Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi (theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

Thuyết minh chi tiết về dự án (theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

Thuyết minh chi tiết về sản phẩm của dự án (theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và các lần điều chỉnh (trừ trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư);

Bản sao thủ tục pháp lý của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng bao gồm: Giấy phép xây dựng; Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng;

Bản sao thủ tục pháp lý của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về môi trường bao gồm: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tương đương; Đăng ký môi trường hoặc Giấy phép môi trường (trường hợp chưa có Giấy phép môi trường thì cung cấp giấy phép môi trường thành phần đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và các giấy tờ liên quan khác (nếu có);

Bản sao Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương nếu sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

Bản sao Hợp đồng với 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp sản xuất về việc mua nguyên liệu, vật liệu hoặc linh kiện, phụ tùng chính để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ xác nhận ưu đãi. Hợp đồng còn giá trị hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi;

Bộ chứng từ gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi liên quan đến xuất khẩu, mua bán sản phẩm công nghiệp hỗ trợ xác nhận ưu đãi (Tờ khai Hải quan xuất khẩu hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan theo quy định, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ khác có liên quan chứng minh mã hàng hóa của sản phẩm).

4. Phương thức và nơi nộp hồ sơ:

a) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án. Hồ sơ có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có);

b) Các doanh nghiệp còn lại nộp hồ sơ tại Bộ Công Thương. Hồ sơ có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tới Bộ Công Thương tại địa chỉ

https://dichvucong.moit.gov.vn.

5. Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy xác nhận thì phải thông báo tới Bộ Công Thương.

b) Bộ Công Thương xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho các doanh nghiệp còn lại.

6. Thời hạn giải quyết:

.....".

Căn cứ quy định nêu trên, Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ đã có quy cụ thể về đối tượng ưu đãi, điều kiện ưu đãi và hồ sơ cấp Giấy xác nhận ưu đãi. Cơ quan chủ trì xây dựng Nghị định và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 205/2025/NĐ-CP là Bộ Công Thương, đồng thời Bộ Công Thương là đơn vị có chức năng thẩm định hồ sơ và cấp Giấy xác nhận ưu đãi công nghiệp hỗ trợ. Do vậy, đối với kiến nghị liên quan đến thủ tục và hồ sơ xin xác nhận ưu đãi của Bộ Công Thương đề nghị doanh nghiệp Hàn Quốc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương) để được hướng dẫn cụ thể.

HỒ SƠ 58 / 62

Người nộp thuế: HD Hyundai Việt Nam Shipbuilding-18--58

Địa chỉ: Số 01 TDP Ninh Phước Phường Đông Ninh Hòa Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam

NỘI DUNG CÂU HỎI

Công ty đã nhập khẩu tại chỗ nguyên vật liệu theo loại hình A12, đã kê khai và nộp đầy đủ thuế nhập khẩu theo quy định, đồng thời toàn bộ nguyên vật liệu này đã được sử dụng thực tế để sản xuất tàu và 100% tàu thành phẩm đã được xuất khẩu ra nước ngoài theo loại hình E62, không tiêu thụ tại thị trường nội địa, thì doanh nghiệp có được hoàn trả số thuế nhập khẩu đã nộp hay không? Trường hợp xác định nguyên vật liệu nhập khẩu nêu trên thuộc hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu thì doanh nghiệp có thuộc đối tượng được hoàn thuế theo điểm d khoản 1 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Điều 36 Nghị định 134/2016/NĐ-CP hay không; hoặc trong trường hợp giao dịch trước ngày 01/7/2025 được xác định không thuộc hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ theo quy định pháp luật thì số thuế nhập khẩu đã nộp có được xác định là khoản thuế nộp thừa và được xử lý hoàn trả theo Điều 60 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 hay không?

Trả lời:

Về nội dung này Cục Hải quan đã có công văn số 14596/CHQ-NVTHQ ngày 31/3/2026 hướng dẫn Hiệp Hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam theo đó: "Việc hoàn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa của các tờ khai nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 10; điểm h khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục hoàn thuế nhập khẩu đã nộp thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP; Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

Trước ngày 01/07/2025, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (trong đó điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐCP quy định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ bao gồm trường hợp hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam). Các tờ khai nhập khẩu tại chỗ có hàng hóa đề nghị hoàn thuế nhập khẩu đã nộp phải đảm bảo quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP."

Đề nghị Công ty nghiên cứu công văn số 14596/CHQ-NVTHQ nêu trên và liên hệ với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan để được hướng dẫn giải quyết.

HỒ SƠ 59 / 62

Người nộp thuế: Công ty Damy Vina-13b-59

Địa chỉ: Tây Ninh

NỘI DUNG CÂU HỎI

Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 558/TCT-CS ngày 20/02/2024, đã dẫn chiếu Công văn số 3622/TCHQ-GSQL của cơ quan hải quan, theo đó nếu thương nhân nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm đầu tư, hoạt động kinh doanh, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh, thì không được coi là "thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam". Theo đó, giao dịch được xác định theo tiêu chí này sẽ không được công nhận là giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ theo điểm c và tờ khai hải quan không đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất 0% sẽ không được hoàn thuế GTGT. Liên quan đến khái niệm “thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, kính đề nghị Quý Cơ quan đưa ra tiêu chí giải thích rõ ràng và hợp lý trên cơ sở xem xét tổng thể mục đích lập pháp của quy định này trong vai trò là nghị định hướng dẫn Luật Hải quan, sự thống nhất với Luật Quản lý ngoại thương và các nghị định liên quan, cũng như tham khảo các cơ chế tương tự của các quốc gia khác. - Đề xuất, kiến nghị: Kiến nghị xem xét thực hiện các giải pháp hoàn thiện pháp luật như sau: Luật số 90/2025/QH15 về việc sửa đổi, sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (có hiệu lực từ ngày 01/07/2025) đã bãi bỏ điều kiện “thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Theo quan điểm của chúng tôi, điều này cho thấy cơ quan lập pháp đã nhận thấy rằng điều kiện nêu trên không còn phù hợp với bản chất của giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ. Vì vậy, Công ty kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét ban hành quy định chuyển tiếp dưới hình thức nghị định, thông tư hoặc văn bản hướng dẫn phù hợp, nhằm làm rõ tinh thần và nguyên tắc của lần sửa đổi pháp luật này cũng được áp dụng đối với các giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ phát sinh trước ngày 01/07/2025. Chúng tôi tin rằng, việc làm rõ về mặt lập pháp và hành chính như vậy sẽ góp phần nâng cao tính ổn định pháp lý và khả năng dự đoán cho người nộp thuế và doanh nghiệp; bảo đảm sự thống nhất trong việc giải thích và thực thi pháp luật giữa các cơ quan có thẩm quyền; đồng thời tăng cường hơn nữa mức độ tin cậy và năng lực cạnh tranh của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Trả lời:

1. Về khái niệm “thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam”:

Khái niệm "thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam" được định nghĩa tại khoản 5 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 như sau: "Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam là thương nhân nước ngoài không có hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam theo các hình thức được quy định trong pháp luật về đầu tư, thương mại, doanh nghiệp; không có văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thương mại, doanh nghiệp."

2. Về hoạt động đầu tư tại Việt Nam:

Điều 18 Luật Đầu tư quy định cụ thể các hình thức đầu tư tại Việt Nam, cụ thể gồm: Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; Thực hiện dự án đầu tư; Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC và các hình thức đầu tư, loại hình tổ chức kinh tế mới theo quy định của Chính phủ.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 quy định chuyển tiếp quy định sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan thì "Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ thuộc tờ khai hải quan đã đăng ký nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành được áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật này.". Do vậy, chỉ các trường hợp nêu trên được áp dụng quy định này.

Đối với vướng mắc về cách hiểu trong trường hợp thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam và quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định tại Điều 5 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14, đề nghị doanh nghiệp trao đổi thêm với Bộ Công Thương để được làm rõ.

HỒ SƠ 60 / 62

Người nộp thuế: Công ty TNHH OKI Việt Nam-4-T-60

Địa chỉ: KCN Tràng Duệ Hải Phòng

NỘI DUNG CÂU HỎI

Lương của chuyên gia công ty tôi được trả gồm 2 phần: 1 phần trả vào tài khoản mở tại NH Vietcombank tại Việt Nam, một phần do công ty mẹ chuyển khoản vào tài khoản của người lao động mở tại nước sở tại. Cho tôi hỏi khi tôi kê khai thuế cho chuyên gia nước ngoài thì tôi sẽ dùng tỉ giá như thế nào để quy đổi.

Trả lời:

Kính gửi Quý DN

Căn cứ Điều 17 Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ hướng dẫn quy đổi thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân:

"1. Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nhận được bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản giao dịch hoặc nơi tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập mở tài khoản thực hiện chi trả thu nhập tại thời điểm phát sinh thu nhập. Trường hợp tổ chức, cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ hoặc tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập.

2. Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nhận được không bằng tiền phải được quy đổi ra tiền và tính theo Đồng Việt Nam theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường của sản phẩm, dịch vụ đó hoặc sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh thu nhập."

Căn cứ quy định trên, Thuế TP Hải Phòng trả lời theo nguyên tắc như sau: Công ty trả thu nhập cho người nước ngoài: 1 phần trả vào tài khoản mở tại NH Vietcombank tại Việt Nam, một phần do công ty mẹ chuyển khoản vào tài khoản của người lao động mở tại nước sở tại thì Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nhận được bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản giao dịch hoặc nơi tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập mở tài khoản thực hiện chi trả thu nhập tại thời điểm phát sinh thu nhập. Trường hợp tổ chức, cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ hoặc tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập.

Trân trọng./.

HỒ SƠ 61 / 62

Người nộp thuế: GS Group-3-T-61

Địa chỉ: Hà Nội

NỘI DUNG CÂU HỎI

Một số quy định chưa rõ ràng hoặc có sự khác biệt trong cách hiểu giữa văn bản hướng dẫn và văn bản cấp trên, làm tăng rủi ro tuân thủ cho doanh nghiệp. Trong giai đoạn chuyển tiếp hoặc khi quy định còn chưa rõ, doanh nghiệp có thể phát sinh sai sót không cố ý nhưng vẫn đối mặt với rủi ro bị xử phạt tiền. - Đề xuất, kiến nghị: 1. Đề nghị cơ quan chức năng cho biết có kế hoạch ban hành tài liệu hướng dẫn chính thức kèm ví dụ thực tiễn hay không; đồng thời xem xét ưu tiên hướng dẫn khắc phục trước khi xử phạt tài chính đối với sai sót không cố ý. 2. Đề nghị ban hành tài liệu hướng dẫn chi tiết kèm ví dụ thực tiễn; ưu tiên hướng dẫn khắc phục, điều chỉnh trước khi áp dụng xử phạt tài chính đối với các trường hợp không cố ý hoặc phát sinh trong giai đoạn quy định còn chưa rõ ràng.

Trả lời:

1. Ngành Hải quan luôn chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật trước khi ban hành, cơ quan hải quan đều lấy ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. Sau khi ban hành, Cục Hải quan đều tổ chức các hội nghị đối thoại trực tuyến/trực tiếp, phát hành tài liệu bài giảng, tập huấn nghiệp vụ có ví dụ cụ thể để doanh nghiệp và công chức hải quan thống nhất thực hiện.

Trong trường hợp phát sinh vướng mắc, khi nhận được phản ánh của doanh nghiệp cũng như các đơn vị Hải quan địa phương, Cục Hải quan đều có hướng dẫn, giải đáp cụ thể để đảm bảo thực hiện thống nhất

2. Về đề xuất ưu tiên hướng dẫn khắc phục, điều chỉnh trước khi xử phạt tài chính

Cơ quan Hải quan thực thi nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo quy định tại Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. Trong hệ thống văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực hải quan, nếu có sự khác nhau giữa Thông tư và Nghị định của Chính phủ hoặc Luật Hải quan, doanh nghiệp cần căn cứ vào quy định của văn bản cấp trên (Luật, Nghị định) để thực hiện khai báo và làm thủ tục.

Cơ quan Hải quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm dựa trên quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện các quy định liên quan đến lĩnh vực hải quan, nếu phát sinh các vướng mắc do cách hiểu văn bản chưa đồng nhất, cơ quan hải quan sẽ đánh giá toàn diện tính chất của hành vi, hồ sơ thực tế và quy trình nghiệp vụ để xử lý khách quan.

Cơ quan Hải quan khẳng định luôn quán triệt tinh thần: Đồng hành, chia sẻ, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Đối với các bất cập, chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật do doanh nghiệp phản ánh, Cục Hải quan sẽ chủ động tổng hợp để kiến nghị Bộ Tài chính, Chính phủ kịp thời sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan, minh bạch hóa quy trình và hạn chế tối đa rủi ro pháp lý cho các doanh nghiệp tuân thủ tốt.

HỒ SƠ 62 / 62

Người nộp thuế: SGI VINA-2-T-62

Địa chỉ: Đà Nẵng

NỘI DUNG CÂU HỎI

a. Quy định hiện hành Hồ sơ khai thuế F.C.T (Thuế Nhà thầu nước ngoài) hiện được quy định phải nộp trực tiếp bằng bản giấy tại cơ quan thuế quản lý. b. Khó khăn, vướng mắc Từ tháng 7/2025, sau khi sáp nhập đơn vị hành chính, Chi cục Thuế Quảng Nam được sáp nhập vào Đà Nẵng. Do đó, doanh nghiệp phải đến cơ quan thuế tại Đà Nẵng để nộp hồ sơ trực tiếp, khiến thời gian di chuyển một chiều mất hơn 2 giờ (khoảng 97 km), gây tốn kém thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. c. Kiến nghị Đề nghị cơ quan chức năng xem xét cho phép thực hiện toàn bộ thủ tục khai và nộp hồ sơ thuế F.C.T bằng hình thức trực tuyến, nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm thời gian đi lại và nâng cao hiệu quả xử lý thủ tục hành chính.

Trả lời:

Cục Thuế ghi nhận và sẽ nâng cấp hệ thống TMS khắc phục vướng mắc trên. Ngoài ra, người nộp thuế không bắt buộc phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan Thuế mà có thể gửi hồ sơ cho Cơ quan Thuế qua đường bưu điện.